

DƯƠNG NGHIỄM MẬU * HUỲNH PHAN ANH * MAI
THẢO * NGUYỄN ĐÌNH TOÀN * NGUYỄN THỊ HOÀNG *
NGUYỄN XUÂN HOÀNG * THANH TÂM TUYỀN

CÁNH CỬA SAU CÙNG



VĂN-UYỀN

cánh cửa sau cùng

Dương Nghiễm Mậu * Huỳnh Phan Anh
Mai Thảo * Nguyễn Đình Toàn
Nguyễn Thị Hoàng *
Nguyễn Xuân Hoàng * Thanh Tâm Tuyền

cánh cửa sau cùng

dương nghiễm mậu * huỳnh phan anh * mai
thảo * nguyên đình toàn * nguyên thị hoàng *
nguyễn xuân hoàng * thanh tâm tuyền

Bìa: *Ngọc Dũng*

Nguồn: *Thư ẩn quán*

Trình bày: *Muôn Phương*

Các tác giả giữ bản quyền

Muôn phương góp lại, trả về muôn phương

cánh cửa sau cùng

dương nghiễm mậu * huỳnh phan anh * mai
thảo * nguyên đình toàn * nguyên thị hoàng *
nguyễn xuân hoàng * thanh tâm tuyền

Nguyệt san VĂN UYÊN

số 16 tháng 8 năm 1969

MỤC LỤC

Tấm gương trong hành lang (Thay lời vào tập truyện) Mai Thảo	10
1. Chiếc quan tài của nó Dương Nghiễm Mậu	32
2. Một chỗ không người Huỳnh Phan Anh	71
3. Ông già im lặng Mai Thảo	87

4. Sương mù và lá	105
Nguyễn Đình Toàn	
5. Tiếng còi trong kẽ đá	127
Nguyễn Thị Hoàng	
6. Giọt nước mắt cho chú Đăng	157
Nguyễn Xuân Hoàng	
7. Chim cú	199
Thanh Tâm Tuyền	

TẤM GƯƠNG TRONG HÀNH LANG

(Thay lời vào tập truyện)

Họ đi thẳng vào buồng riêng, như gà vịt và súc vật về chuồng, tuân theo sự chỉ dẫn của một thói quen lâu ngày đã biến thành một động lực xô đẩy vô hình mà mãnh liệt. Thành phố bên ngoài, đâu đó có thể chỉ mới bắt đầu cuộc sống náo nhiệt lộng lẫy về đêm. Nhưng trong

ngôi nhà, đã hai bàn tay của lặng im, dịu dàng phủ dần mười ngón lớn.

Người ta nghe thấy những bước chân dừng lại trước từng con số phòng. Tiếng những cánh cửa mở ra và đóng lại. Một vài ngọn đèn còn sáng. Một vài ngọn đã tắt. Những then cửa cài. Những khóa sắp bập. Không phải là lúc vắng mặt người, mà lại chính là từ lúc có người về, mỗi căn buồng mới đích thực là cái hình ảnh ấy của một hòn đảo hoang.

Tường câm nín tường không có cánh. Vách im hơi vách không truyền lời. Sau mỗi ổ khóa, một nhà mồ. Phòng này, một hình. Phòng kia, một bóng. Thời kỳ đầu tiên mới đến ở ngôi nhà, một vài người chừng như có ném tới cho nhau một nhịp cầu liên lạc. Chừng

như có gõ cửa buồng bên, thăm hỏi một đôi lần.

Nhưng đảo rồi lại đảo, biển cách biển rồi vẫn mênh mông đứng giữa. Một nhịp cầu bắc không có nhịp cầu nối với, và trên những dòng sông mang hình ảnh những biên thù, cuối cùng không có một nhịp cầu nào.

Đời chảy trên hai bờ. Cái gần gũi tắc gang cuối cùng vẫn chỉ là cái gần gũi nghìn đời không hội điểm của hai con đường sắt. Sáng đi ra cửa, ra đường, chiều trở về từ phố từ ngõ, họ đụng đầu mà không chào hỏi, tiếng là cùng sống chung dưới một mái nhà, mà mỗi vì sao vĩnh viễn chuyển vận trong một quỹ đạo riêng, mắt nhìn thẳng, chân đi đường mình, kẻ nọ với kẻ kia vẫn hoàn toàn lạ mặt.

Cái bên trong của ngôi nhà thế là đã thấy rõ. Không tận cùng, cũng một phần. Rõ như cái sự cùng với đời mà sinh thành. Như cái đồng đẳng tự nhiên của mọi thân phận người mà biểu tượng điển hình là những căn phòng cùng hình thể và cùng kích thước.

Cái không rõ, không thấy, không biết thế nào lại chính là khởi đầu từ ngoài cánh cổng sắt lớn, nơi cuộc đời đầy gió bão của cảnh ngộ và tình cờ của định mệnh chụp bắt lấy họ tức khắc mỗi buổi sáng đi ra, thả cho về mỗi khi chiều xuống.

Cuộc đời đó, mù sương như lũng sâu nhìn từ một đỉnh núi. Cuộc đời đó, lớp lớp những hoài nghi trên chất ngất những buồn phiền mỗi buổi chiều, họ chở về một mảnh, hết như người dân

chài khi đón mặt trời ở phương tây thấp xuống với thuyền về, mang trên hình hài mình hóa thân thành chiếc lưới, một phần biển khơi.

Cuộc đời đó, còn phải nói thêm, là hình như từ cái ngày mất đi những cỗ song loan chở đầy ruộng tưởng, đã biến thành một công trường lăm lặt mồ hôi nước mắt chan hòa. Có thể họ đã cười rất vui, đã hát rất lớn ngoài kia. Nhưng trở về, chiều sâu nào đã tắt những tiếng cười, đã chết những lời hát.

Có thể hạnh phúc ngoài kia từng phấn từng chum đã hái. Nhưng trên đường về, hạnh phúc đã từng phấn từng chum rớt khỏi lòng tay. Không biết. Sống là một giả định. Không chừng.

Hạnh phúc này với anh là khổ đau

vô tận của tôi. Không rõ. Trải đời hồng hào nhưng trong cái sống đã cái chết từng giây, và nghĩa đời là một mà cũng muôn vàn, như bản thể sự vật có trăm khuôn mặt bởi ngắm nhìn từ một nghìn vị trí.

Điều biết được, đoán thấy, là dấu tích đời đích thực là những vết hằn khủng khiếp. Trên những lối đời, đích thực là những trận mưa cường toan đổ xuống. Và trên thịt da, tâm thể và hình hài người, đích thực là sau mỗi chiều về, những dấu chàm đã ở đó không phai.

Dấu tích: sáng nhìn trong gương, màu tóc còn xanh, chiều vẫn gương kia, mái tóc đã bạc. Dấu tích: mắt bình minh còn trong suốt lòng suối, tới chiều về, đã những trông mỗi nhọc lim dim. Lịch ngày bóc dần từng con số nếp nhăn. Tới

mỗi cuối tháng, nếp nhăn cũ đã chồng thêm nếp mới. Phải, tình đời chắc nặng lắm. Hoa nói hoài cho người. Phải, khối đời chắc nặng lắm. Hoa nói hoài không thôi. Hoa nói. Hoa nói.

Và họ mang đời về mỗi buổi chiều như thế, trên cổ, trên vai, như những phiến đá trên đầu. Đá nặng quá làm ng-
hiêng hình dáng sống.

Buổi sáng người đi ra, cái ngực đựng đầy không khí mạnh, đài trán ngừng cao, tay làm nhịp cho chân vui nhẩy nhót, sáng láng, hùng dũng, tưởng như mỗi đi ra là mỗi mặt trời.

Chiều về, đầu gối chùng, chân lết lết. Chiều về, gầy xuống một bên vai, xếp lại một lồng ngực, tối lại một ánh mắt, hai cánh tay buông thõng như hai con vật

chết treo, lưng bấu gồ, lật đật cái dáng đi tàn tật.

Sự mỗi nhọc rã rời kiện toàn thêm cho cái hồ thắm cách biệt sẵn có. Người trở về, vật và hình bóng, đụng đầu nhau trên một hành lang chung, sống tiếp những gió bão đời đã bỏ lại ngoài kia, bằng những dấu vết mang về. Mỗi dấu vết đó, trong tâm thể choáng váng, còn tiếp tục dội đập tiếng dội đập phản chiếu của một vang núi.

* * *

Phải, ngôi nhà chung cư với những căn phòng đồng dáng ấy còn có một hành lang chung. Nó mở ra từ mặt tiền, đi thấu suốt tới sau, là hình ảnh của một dòng sông số mệnh chảy giữa những căn phòng đối diện.

Cuối dãy hành lang là một bức tường đứng thẳng. Bức tường này ở đúng cái vị trí một tấm phong bối cảnh thường thấy trên sân khấu, ngăn chia tiền trường với hậu trường. Trên bức tường, tự bao giờ, đã treo sẵn một tấm gương. Phải, ngôi nhà định mệnh có một hành lang chung, còn dựng một tấm gương.

Một tấm gương, với hành lang, có cùng một ý nghĩa, là treo đó, cho một phản chiếu chung, mọi người cùng sử dụng. Tấm gương hình chữ nhật. Thật lớn. Cao bằng hình dáng đời. Rộng bằng số kiếp người. Đính sát vào tường, tới ngang tầm tóc, mặt gương phẳng tấp không một thoáng gợn, nước gương trong vắt pha-lê, mọi ảnh tượng tới đó, hiện hình, tất yếu là một phản ánh trung thành không biến dạng.

Vậy mà mỗi buổi chiều, từ ngoài cuộc đời đầy đặc những ảo ảnh và những giả định ngày ngất trở về, mỗi người khách trọ của ngôi nhà kỳ lạ, trước khi vào phòng mình, tới trước gương dị thường, lại không có cùng với nhau một quan điểm đồng nhất về cái hiện tượng của bóng hình in lên và chân thân phản chiếu.

Không biết như thế nào. Tại làm sao như thế. Gương đứng đó hay là gương không có? Gương treo kia hay gương chỉ vô hình? Cái bóng tối trong gương là thật? Hay cái hình tôi ngoài gương mới đích thực hư không? Sự thật của tấm gương đâu? Cái mỏng manh của phiến kính một ly trên một nền tường dính chặt? Hay sự phản chiếu ấy của những hình thù kể sát, xa vời, từ cực lớn tới cực

nhỏ, lồng vào nhau, lẫn lộn, trước sau, chập chờn không phân biệt.

Và như thế, từ một khởi điểm tĩnh tới vô tận kéo dài, một chiều sâu siêu hình không đáy? Nghìn câu hỏi treo căng trên nghìn ngò vực mở. Mỗi hòn đá nghi vấn ném xuống, làm tỏa rộng một vòng tròn sóng nước hoài nghi.

Suy tưởng chìm đắm miệt mài nào cũng khởi đầu, từ trước một tấm gương. Ta nói những trời ta và những biển ta. Là gương đó, những biển trời ta nói. Hình bóng anh như ánh trăng nghìn năm trước của thơ Đường. Trăng không thấy anh, bởi sông thủy chung là phóng thể, nhưng như ánh trăng nghìn năm trước, vẫn một hình bóng kia vĩnh viễn đuổi theo người.

Tới trước gương, chợt mang một ý nghĩa cùng đường. Từ gương còn đi nữa, tri thức nhập vào trong, nhưng hình hài thì dừng lại. Từ những chân trời khác nhau, vậy là những công dân của ngôi nhà kỳ lạ đã tới lúc buổi chiều dăng lưới, nơi cuối đáy hành lang chung, trước trong suốt và dị thường gương, nhận diện mình.

Nhận diện này, không tất yếu đưa tới hủy hoại. Quy luật và định lý đời sống về Có và Không, Còn và Hết cũng không hề tuyệt đối chứng minh một phong thể nhất thiết đưa tới một hủy thể. Và ngược lại. Tri thức về sống và tri thức về chết là một. Không biên giới. Duy Narcisse ngắm mình và chết. Chỉ là y không có đời sống hiểu đời sống trên đường đi về cái chết cuối cùng. Không. Tuy nhiên không. Dòng suối, tấm gương vô hình

của Narcisse tuyệt nhiên không hình đời in dấu.

Bóng người và bóng tuổi cùng ảo ảnh như nhau. Cho nên tự ngắm mê mẩn và tự chết ấy cuối cùng hoàn toàn vô nghĩa. Ngắm nhìn từng chiều nơi đám khách trọ của ngôi nhà có hành lang từ tấm gương chung, khác.

Bởi vì mỗi trạng thái ngắm nhìn là một trạng thái khác biệt. Người đứng trước gương biết khác, còn muốn làm khác đi gương. Nhìn họ mà xem, từng người. Mỗi người một dáng điệu, một phản ứng. Đứng trước gương bởi vậy vừa mang ý nghĩa một đứng lại, vừa là khởi điểm mới của cuộc hành trình. Từ trước tương tới sau gương. Từ trong và sau gương về trước mặt. Xuyên thủng qua như một mũi nhọn. Hay lượn vòng

tròn như một đường bán kính. Đặt bàn tay lên gương cho bàn tay mất bóng. Úp sát mặt vào gương cho gương ở trong đầu. Vòng cánh tay về phía sau cho đụng tường và bật lại. Nghiêng đầu về tả cho trong gương là tóc bay về hữu. Xây lưng lại cho đối diện trở thành hậu thể. Đứng bán thân cho chia nửa hình hài. Hay là nhắm mắt lại cho gương thành gương khác. Một nghìn thế soi. Một triệu lối ngắm.

Những người khách trọ thời nay sống dưới mái nhà tri thức bây giờ đã làm như thế. Và sự chết, cái chết, cõi chết, vĩnh viễn, yên nghỉ, hư không, vô cùng, từ gương rất mới và ngắm nhìn rất mới kia đã được ghi trong tấm thực đơn đời sống hàng ngày.

* * *

Đời sống một người, cho dù là vĩ nhân và á thánh, vĩnh viễn có một phần rất lớn ở ngoài nó. Triết học nhân thế tới nay vẫn là một khoa học nửa chừng đường. Càng đi tới, đối tượng càng lung thoát. Đã sáng hồng từng cội tri thức và suy tưởng siêu việt, triết học thời đại còn nói tới những thất bại. Ngàn triệu năm sau, vẫn những vùng biển và những vùng trời không bao giờ biết tới. Vật thể muôn vàn. Người chỉ là một. Quê trời chưa đâu. Vẫn chỉ quê đất.

Tri thức thần thánh có được điều hay này là càng làm cho nhân loại và con người nhũn nhặn hơn. Mọi kiêu hãnh đều vô lối. Gió bão ngông cuồng tuyệt nhiên không nổi dậy ở những vòm trời tâm thế cao vút. Huyền diệu hắng hà, người vi thể, cây kim và hạt bụi mà thôi.

Càng thấu triệt, con người càng mỏng manh, và cánh bướm Trang Tử bay vào chiêm bao một buổi trưa vàng, cũng chỉ là cái nhẹ thênh nứa chừng của một nửa chân thân còn là là mặt đất.

Vô cùng vẫn là ngưỡng cửa lớn của người. Ngưỡng cửa ấy chưa vượt. Cửa không gian trên một ý nghĩa nào vẫn là một khung cửa hẹp. Nghệ thuật từng thời đại bao giờ cũng được đánh dấu bằng một bất lực mới khám phá, khiến một định nghĩa bất biến cho văn chương vẫn đúng, là văn chương không thay đổi được gì.

Cho tới nay, chúng ta chưa từng được nhìn thấy ở một nền học thuật nào, cho dù nguy nga lộng lẫy tới đâu, cái hình ảnh mênh mông của con người toàn năng, lạc phách xuất chúng làm chủ đời

sống. Và định mệnh vẫn là một dấu hỏi lớn.

Nhưng văn chương nhân loại nói chung trong đó có nghệ thuật và tri thức chúng ta đã tiến được những bước tiến bát ngát trên chuyến đi truy tìm ý nghĩa cá thể ta và bản thể đời.

Nghệ thuật tắm đắm hoài nghi, khát khao thấu triệt bây giờ là cuộc đối chiếu thường xuyên hào hứng hân hoan giữa cái hữu hạn và cái vô cùng. Giữa muôn vàn và một.

Đời sống, phía trước gương và phía sau gương đều được khai quật dậy. Những mặt trời ta đi, làm nhỏ lại những giả thuyết. Tạo dựng bằng biểu tượng và huyền thoại, một thế giới cũ đã mất và một Trật Tự Cũ đã mất theo.

Trên cuộc hành trình mới, văn chương đã gõ mạnh tay vào những cánh cửa sau cùng, bắt mở. Sau cánh cửa, cái chết, cõi chết, như từng huyền sở hoang đường gây cánh, lần lượt hiện hình. Nó mơ màng. Trong suốt. Mang hình dáng đời như căn phòng ta ở, mang kích thước người như tấm gương soi.

Cái chết chính là tấm gương kia, tấm gương vật thể hết vẻ dị thường, bởi chính ta treo nó giữa ngôi nhà ta ở. Chết hết là một phi lý. Nó trở thành tình nhân đời. Bằng hữu người. Một cửa sổ thôi của một nghìn cửa sổ.

Bằng văn chương, ta đã đặt nó ngồi ở cái ghế ngồi bên cạnh, cùng dắt qua đường, cho vào cùng một tiệm nước, vẫy gọi sang từ hè phố bên kia. Cái chết đã trở thành một sự thể. Nằm trong cái

bảng dài thông những sự thể của sinh tồn viết ra bởi bàn tay tri thức tổng hợp. Nói một cách khác, cái chết đã nhập vào đời sống. Làm một chất liệu mới. Làm cho đời sống muôn vàn sống hơn.

Phát đạn bắn vào đầu một buổi sáng thôn dã hỗn hậu và tươi hồng kia của Ernest Hemingway, nghe cho kỹ, thấy vang động thành một vang động hân hoan. Sau phát súng, chim vẫn hót trên cành một cửa rừng. Suối vẫn lăn. Lá vẫn múa và nhánh hồng trong ly nước vẫn nở trên một thành cửa sổ chan hòa ánh nắng.

Cái chết không làm ngừng đời sống nữa. Đời sống là một trái tim vĩ đại. Đạn nổ nhịp ba. Đạn nổ nhịp ba không chết. Nhận thức luận về mọi hiện tượng của cấu thành và hủy thể là nguồn ánh

sáng mới chói lòa những cõi triết thuyết chứa chan những tiềm lực suy tưởng phấn khởi, óng ánh và sinh động nhất về người.

Bi đất bởi vậy cũng phải hiểu theo một ý nghĩa mới.

Tuyển truyện những sáng tác ngắn của nhiều tác giả tạm đặt một tên chung là “những cánh cửa sau cùng” này bởi vậy mà nói tới những phát đạn còn nói đến những nhánh hoa hồng trên thành cửa sổ kia. Nó là một tuyển truyện nữa về đời sống.

Điểm khác thường đáng nói là sau những buổi chiều tới đứng trước gương, sớm mai từ những chiếu giường siêu hình thức giấc, đám khách trọ của ngôi

nhà chung cư lại ra đường. Tấm gương vẫn chỗ cũ. Không ai đập vỡ nó.

Tri thức người và văn chương người đã để cho tồn tại tấm gương, tấm gương dị thường cuối cùng chỉ còn như một đồ vật trong nhà. Dành cho chính tấm gương cũng cái quyền được sống, văn chương đã chấp nhận cho cái chết, và chỉ còn chấp nhận thế, như một đoạn đường nhỏ trong những đoạn đường của tri thức mà thôi.

MAI THẢO

CHIẾC QUAN TÀI CỦA NÓ

Dương Nghiễm Mậu

Cổng sắt vẫn còn đóng kín. Một người đàn bà ngồi bệt nơi giáp tường gạch khóc thầm tức bên một người con trai lặng lẽ. Nơi cửa sắt một bà già ngồi im mặt bơ phờ, mắt ráo hoảnh. Một người đàn ông ngồi bên, hai người nói chuyện với nhau từng lúc, người đàn ông mắt đỏ hoe: nó mới viết thư về cho cháu, nó nói nó sắp về thăm bà. Ai ngờ thời

buổi này. Bà cụ nói: hôm trước, nó về bà đã bảo nó phải giữ mình, nó cười cười nói nói khinh thường bảo chết có số, nó đâu hiểu được những lo lắng của bà, đẩy cháu thấy chưa...

Nơi cửa sắt mỗi lúc một đông, không có một người ở phía trong chốc chốc thoáng qua khoảng sân rộng mãi phía trong một vài người lính đi ngang qua ngó ra ngoài lặng lẽ rồi khuất. Tôi nóng ruột bồn chồn. Không thấy Phúc, không thấy bác Tuấn, không thấy một người thân nào của Linh, cả Hạnh nữa, nàng đã được tin chưa? Đi đi lại lại đã chồn chân. Nắng buổi chiều mới hơi nghiêng xuống. Những chiếc xe đủ loại chạy ngang qua phủ bụi, tuôn khói mù mịt trên con đường nhựa rộng, hai bờ lề cỏ khô áy vàng úa không có một lối đi mòn nào.

Tường bệnh viện chạy thẳng kéo dài tới mỗi đầu đường phía xa, bóng người đi lại ở đó nhỏ hắt lại. Trong ánh nắng chói chang, nhìn qua con đường nhựa, hơi nóng bốc lên ngọt ngào, những chiếc xe nặng chạy qua rung chuyển cả đất, lúc đó những tiếng nói bình thường bị át hẳn đi. Trên đầu cách nhau không lâu liên tiếp những chiếc máy bay chúc xuống hay lao lên cao, tiếng nó vang động, một vài chiếc trực thăng ngang qua kêu sè sè khiến những người ở dưới ngước nhìn.

Bên kia con đường mấy căn nhà tôn, hàng cây vàng, một cụm cây gòn chụm lại với nhau, những cành thưa vươn cao không có lá chẳng để lại một bóng mát nào. Dưới đó một chiếc quán được dựng lên bằng tôn rất thấp, tôi cố nhìn, qua khỏi đường, chiếc quán như xa đi, khoảng tối trong bóng rợp khiến hai chiếc bàn mờ,

mấy chiếc ghế trống, trong có một chiếc tủ nhỏ. Cổng vẫn chưa mở. Tôi bước qua đường đi vào quán.

Qua hiên, do mấy tấm tôn chống nghiêng ra ngoài, tôi thấy mắt nhìn mát hắt lại, những hoa nắng quay tròn nhiều màu, tôi đứng im, nhắm mắt một lúc rồi mới mở ra, một người đàn bà từ phía trong đi ra dáng uể oải:

– Ông dùng gì?

Người đàn bà mặc quần đen, chiếc áo cánh hoa, chân đất, tóc búi xoả như vừa qua một giấc ngủ chưa tỉnh, gương mặt mệt mỏi ướt mồ hôi. Tôi đưa mắt nhìn vào những hàng kệ sơ sài phía trong, kệ bám vào khoảng ngăn phía ngoài quán với nhà trong, trên vách những bìa báo hàng tuần với hình những cô gái la xanh

đỏ dán đầy. Trên kệ có mấy lọ kẹo, mấy chai bia, nước ngọt. Tôi đi vào ngồi nơi chiếc bàn ngay bên một cái cửa lớn phía bên tay mặt, mé bên trái bịt kín, cửa ngó ra một khoảng vườn cây thấp, từ đó tôi cũng có thể ngó sang khu cửa bệnh viện. Tôi nói:

- Có nước đá không bà.
- Có.
- Bà cho tôi chai bia lớn...

Tôi sửa lại thế ngồi, người đàn bà với tay lấy chai bia, dùng tay lau bụi, bà cúi xuống nơi giáp tường mé bên kia lấy đá trong một chiếc thùng gỗ, bên đó có một chiếc ghế xích đu, một người đàn ông gầy, cời trần, quần cụt đen đang ngủ, chiếc quạt cói tơ tả bỏ trên bụng. Chiếc ly cối nhem nhuộm cáu bẩn. Cục nước

đá. Bia sủi bọt. Một chai bia lớn, bây giờ là một chiếc ly. Không còn Lịnh, những chai bia để đầy trên bàn với hai chiếc ly cối. Tôi nói:

– Bà biết mấy giờ bệnh viện mở cửa không?

– Vào thăm thì năm giờ.

Người đàn bà nói trống không rồi đi vào nhà, những tiếng động ở trong đó. Thỉnh thoảng một cơn gió nhẹ từ phía cửa sổ thổi vào nhưng không đủ để làm thoáng bầu không khí như bị hâm nóng thêm dưới những mái tôn thấp, có những lúc chiếc quần rung lên vì xe cộ ngoài đường.

Những người tụ tập trước cửa bệnh viện đông thêm, có một chiếc dù mở ra, chiếc dù màu xanh dương nổi tươi lên

giữa khoảng cửa bệnh viện, đó là chiếc dù của một người đàn bà, hay con gái mặc áo trắng dài. Mấy chiếc nón không động đậy. Phía trong đó những người thân đang đợi họ.

Những ngum bia làm tôi tỉnh lại dần, mồ hôi vả trên trán, chảy hai bên thái dương, trên hai cánh tay những giọt mồ hôi lấm tấm. Những chiếc xe chạy qua bỗng chậm lại rồi nối đuôi nhau. Lại có chuyện gì làm kẹt xe, một tai nạn chẳng hạn.

Tôi đưa mắt nhìn vào những số xe, tôi muốn nhìn một số, số 2910 là số một người tù chúng tôi yêu mến, nhớ không Lịnh, người tù mang tên mây, 2910, hậu thân của Lãnh Út hào hùng chúng ta vẫn nhắc tới, người tù mang số 2910 mây nhớ không, con số chúng ta yêu dấu theo

dõi, chúng ta dùng nó để đánh cá trong những lần ngồi uống bia, nhìn ra đường tìm số những chiếc xe chạy qua mang số 2910, và mỗi lần chúng ta gặp nó trên đường phố chúng ta reo lên thích thú, chúng ta còn theo dõi nó.

Và chúng ta không quên cả một căn nhà mang số đó, căn nhà ở Bàn Cờ mà chúng ta nghĩ nếu thuê được làm nhà ở, căn nhà có hai cô con gái rất xinh, thỉnh thoảng chúng ta ngang qua không duyên cớ gì khác hơn là thấy con số 2910, chỉ cho nhau thấy và khi số nhà đó đã đổi thì chúng ta chẳng còn tới đây nữa. Hai cô gái bây giờ chắc đã có gia đình. Không, không chiếc xe nào có số đó cả. Khói xe nhả mù mịt, tiếng máy nổ oi bức, khu tường bệnh viện bị che khuất, cùng đám người bên kia đường.

Người đàn ông trên ghế xích đu cửa mình, nghiêng mặt ra ngoài nước rãi chảy xuống khoe miệng, đôi mắt khép không kín.

Lịnh cũng nằm như thế nhưng không còn thở nữa, không bao giờ thở, không bao giờ nói, không bao giờ đi uống bia. Nhớ không. Phúc đứng ngoài cửa gọi yếu ớt, tôi hỏi gì đó em, Phúc ngập ngừng nói nhỏ: anh Lịnh chết rồi. Tôi kêu lên bao giờ? Phúc nói hồi đêm, trong bệnh viện. Tôi nói em vào trong này đã, Phúc nói em còn phải đi báo tin. Tôi nói: nói qua cho anh nghe. Phúc nói Lịnh bị thương cách đây hai ngày, trực thăng mang về nhưng cứu không được, được tin báo em vào thì anh đã mê man không biết gì, và hồi đêm thì anh ấy tắt thở...

Đôi mắt Phúc đỏ hoe, đầu tóc bù xù,

khuôn mặt hốc hác. Nó có đôi mắt lớn giống Lịnh. Lịnh đã chết. Lúc Phúc đã đi tôi vẫn còn đứng lại ngoài cửa. Lịnh đã chết. Tôi nhủ thầm thêm một thằng bạn nữa, và mất người bạn thân nhất, người bạn không thể thay bằng một người bạn khác. Hắn đã chết thật, bây giờ tôi tin chắc thế. Lịnh đã chết như nhiều người khác, những người chết mỗi ngày.

Lịnh đã chết. Tôi búng móng tay lên thành ly.

Tiếng kêu ròn vang, người đàn bà đi ra. Tôi nhìn lên nói:

– Bà cho tôi chai nữa.

Một chai nữa. Lịnh, mày thấy thế nào. Mày còn nhớ một lần ngồi với những Thạch, Vững, Đặng, mày uống say lè nhè, tao hiểu vì sao mày say. Câu chuyện

nhặt nhẻo ngày hôm ấy, tại sao những nông nản ngày cũ, những ngày thẳng, nóng nảy chúng ta đã bỏ đi, chúng ta dè dặt chừng mực, ngậm miệng. Chúng ta không còn đồng ý được với nhau nữa, mỗi đứa ở về một phía khác nhau, còn nói gì nữa, mày nhớ không.

Mày đã chết, rồi tao sẽ chết phải không. Không còn những người có đủ lẽ phải và những người có nhiều lỗi lầm.

Không còn những người trong sạch trung chính và những người bắn thủ tội tệt. Những hạt đậu đen và đậu trắng đỏ lẫn vào nhau trộn lên và chia đều. Mày nhớ mày đã nói thế không.

Cái lối thoát ra, mày nhớ không, thoát ra, một đường bút chì kẻ mờ mờ, thêm vào đó chúng ta không tin, chính là

không tin một cách vững vàng tha thiết rằng đó là con đường sẽ được kẻ đậm và đúng nhất, chúng ta không tin để thực hiện, không tin để làm rõ nó, chỉ là một đường kẻ mờ những ngờ vực, hoài nghi. Làm sao được.

Linh, mày nhớ không những ngày náo loạn chúng ta ngồi uống bia và chửi đồng. Linh, mày nhớ không những ngày buồn rầu mày trở về nhìn tao và lắc đầu. Tao cười nhạt. Mày la lên, tao chỉ cười nhạt. Lãnh Út đã chết, người tù 2910, mày cũng là một thằng tù, tao cũng là một thằng tù, mày có số, tao chưa có số. Bây giờ cái gì cũng có số, từ nhà cửa, xe cộ người... Mày chết, Lãnh Út chẳng còn người để nhắc đến...

Trên chiếc quan tài của mày có gắn một con số nào không? Số mấy? Có thể là

2910, con số mà ước muốn, chắc không, không bao giờ như ước muốn, như tao ước muốn hết, bao nhiêu người có được những điều mình ước muốn, có bao nhiêu cuộc sống có được như ngày nhỏ tuổi mong ước và mơ mộng...

Đoàn xe chuyển dần dần, tiếng máy nổ nặng nhọc khói um trong không khí, nền trời đục lơ lơ hung đỏ vì bụi và khói. Đám người tụ tập trước cửa sắt đông thêm, người đứng lóng ngóng bồn chồn, người ngồi mệt mỏi, ít người thân nhau tụ lại một người bệnh nào, một người chết nào đó trong cổng sắt đang đợi họ.

Người nằm trên giường, kẻ nằm trong áo quan. Ví dụ thế... Những giọt nước đọng ngoài thành ly chảy xuống mặt bàn gỗ khó tạo thành những vòng tròn ướt đen. Ly bia màu vàng bọt sủi.

Linh húi đầu cao, nước da sạm khỏe mạnh, trên cổ áo loang ố mồ hôi, đôi môi vẫn đỏ như hồi nào, trong cái nhìn đã có một vẻ gì khác, cái vẻ ác hay hung bạo, khác cái nhìn trong sáng thẳng thắn những năm trước, dưới mắt những vết nhăn trũng và quầng mắt tối đi, giọng nói cứng, mạnh bao nhưng đượm nhiều chua chát mất đi vẻ bông đùa...

Ngày tháng, cuộc sống làm Linh thay đổi. Linh nói: bây giờ chắc nhiều xe mang số 2910... Tôi mỉm cười nhìn Linh: chắc thể, lâu mình không còn để ý đến. Sao bây giờ không có một số 2910 chạy qua đây? Một xe mang số 2909 gì cũng được, tôi muốn nhìn thấy một con số gần như thế. Lấy một điếu ra môi, mùi diêm thơm lạ. Linh nhăn mặt:

– Cậu vẫn chưa đổi thuốc?

– Đói, đói làm gì. Bây giờ mình hút lung tung hết, bạ gặp gì cũng hút, những lúc hết thuốc độ năm sáu ngày thì vớ được thuốc gì cũng ngon hết, một mẩu thuốc vút đi cũng đáng giá, cậu phải bị giam lại trong đồn, bỏ quên trong rừng nhiều ngày rồi cậu mới hiểu được... Đời sống phá đi nhiều thói quen mà trước kia mình tưởng không thể thay đổi, đời sống tập thể, trong guồng máy nó nghiền đi nhiều...

Khói thuốc lơ dờ gió thổi dạt vào trong. Người đàn ông vẫn ngủ, trên khoảng ngực đỏ rực lấm tấm mồ hôi, nhịp thở đưa lồng ngực lên xuống đều đều.

Bây giờ Linh không còn thở nữa. Chẳng bao giờ mày còn ngồi uống bia với tao, phải không. Cục nước đá còn

bằng đầu ngón tay nổi bông bênh trên mặt ly rồi nó sẽ tan mất, như mọi điều khác, sẽ tan mất không còn gì.

Người đàn bà đi ra đứng phía ngoài cửa ngó mông sang phía đám người chờ đợi. Nắng đầy trên mặt đường nhựa. Gió nhẹ thổi những sợi tóc lòa xòa sau gáy, khoảng lưng áo ướm gấn vào da.

Linh trầm trầm:

– Cậu không thể tưởng tượng cái đồn mình đóng nó ra làm sao, phải tới đó, phía trong là những đồi khô một ít cây già cằn cỗi, từ đó nhìn ra là bãi không với một thứ đất cát trắng nhem nhuốc không trông trọt được, cách xa hai cây số mới có làng mạc, người ta dùng gàu múc nước từ dưới giếng sâu lên để làm ruộng, đó cậu thấy không. Ngày nóng cồn cào

khô bong, đêm lạnh buốt gió núi, cái hồi lộn xộn, không có những cuộc hành quân lớn, bọn nó vây cho một tháng không sao ra khỏi đồn, chúng đào hố, ngăn tiếp tế, ngăn mình ra khỏi đồn để về tuyên truyền, thu thuế, lấy thêm người, hồi ấy nhiều vùng bị chiếm không làm sao khác là đánh ra ngoài mà chạy, ở lại thì chết đói, bao nhiêu công lao bỏ hết rồi lại bắt đầu lại, nhiều vùng cho đến nay vẫn chưa tái chiếm được, giận hết sức.

Đất như thế khiến cho con người cũng thật khác hẳn, cậu có tưởng tượng được một cậu bé chỉ mười sáu tuổi đã dám giết một lúc hai người bằng cách chặt lấy đầu không? Chắc cậu và nhiều người khác sẽ cho rằng không thể như thế, nhưng đó là sự thật. Một sáng kia lính dẫn vào đồn một cậu bé ôm một gói gì trong một chiếc áo đen, cậu bé bỏ

xuống đất và mở ra trước mắt mình: hai cái đầu người, máu đã khô đen, cậu bé cởi ở người ra thêm mấy băng đạn. Cậu bé chỉ vào những cái đầu nói: bọn nó trước đã bắt cháu lên núi, chúng nó mới xuống núi, còn mấy khẩu súng cháu không mang được, phải giấu đi. Mình nhìn cậu bé mà sợ, mặt cậu bé khô lại, đôi mắt lơ lơ, dáng đứng, cách nói ngượng ngùng lúng túng, làm cách nào để giết được hai người, thật hết sức khó tin, cậu ta dẫn về chỗ hầm và lấy được năm khẩu súng. Sau cậu ta mới cho biết là ngoài này người ta treo giải thưởng cho ai giết được giặc, lấy được súng, một món tiền lớn cậu cần có để cùng người trong gia đình bỏ làng ra thị trấn...

Những lý do hết sức bình thường, đâu có gì, đời sống cực khổ người ta không chịu đựng được nữa. Người ta cần

sống... Nguy hiểm không đáng kể. Nhân đạo có trong những hoàn cảnh nào đó. Có thể bảo cậu bé không còn nhân tính không? Chưa thể, vì chính mạng sống của cậu ta có ai nghĩ tới đâu. Người ta nghĩ đến mình trước đã. Cậu bé muốn được sống, một điều thật hiển nhiên...

Đất đai, khí hậu, con người, khói lửa bom đạn gần đây năm, cậu phải tới những nơi đó mới thấy được, không thể nói mà cậu thấy được sự thực. Phải ở đó mới hiểu giá trị miếng cơm ăn là thế nào, mạng người là thế nào, và điều mình thêm thuốc như thế nào...

Về đây thấy cuộc sống những ngày cũ, cuộc sống tưởng chẳng thể đổi thay, nhưng bây giờ thì không thấy còn hấp dẫn nữa, còn cậu?

Tôi cười:

– Cậu nhìn thấy thế nào?

Lịnh bình thản:

– Nó nhạt nhạt chán chán thế nào ấy phải không?

Tôi nói:

– Nhiều người từ ngoài mặt trận về chửi mắng thành phố thậm tệ.

Lịnh cười khì khì vẻ khôi hài:

– Mệt quá.

Tôi nói:

– Sao thế?

– Nào có ai sung sướng gì...

Người đàn bà đi vào đánh thức người đàn ông ngủ trên ghế. Đôi mắt mở ngơ ngác. Bàn tay thô lớn vuốt lên mặt bóng nhẫy mồ hôi, những sợi râu tua tủa trên cằm. Người đàn bà nói giọng cau có:

– Ngủ gì ngủ hoài, dậy đi lấy cho ít nước đá chớ hết trơn rồi.

Người đàn ông ngáp dài, nằm im cầm chiếc quạt lên quạt phành phạch:

– Máy giờ rồi?

– Gần tối rồi còn gì.

Người đàn ông đưa đôi mắt hấp háy nhìn ra ngoài đường nắng chói chang.

– Tối, tối, nhà thương chưa mở cửa mà tối. Chà, hôm nay đông bọn. Hồi đêm trực thẳng xuống hoài mất cả ngủ.

Lại đánh lớn đầu đây.

Người đàn ông uể oải ngồi dậy, tiếng ghế kêu khô khan. Đôi dép cao su mòn cũ, bước chân lên trên nền xi măng. Người đàn ông ra trước mặt bàn, hai tay để lên thành cửa sổ ngó ra khoảng đất trống, nhìn lơ đãng sang phía nhà thương, đôi mắt hấp háy vì nắng. Mồ hôi bóng nhẫy trên khoảng lưng trần.

Linh vuốt vuốt tay lên bộ quần áo mang trên người: lính ngoài mặt trận trở về thành phố trong bê bối, ngoài đó mà nóng thế này thì cứ việc xoay trần ra. Nóng kinh lắm, gió cát như hơi lửa đỏ, mấy làng phía dưới người nào cũng toét hết, gió cát làm đứt đuôi con mắt... Bây giờ cái đồn xa xăm nào đó chắc mày đã quên, những người đồng ngũ, nhớ gì ở đó nữa Linh. Những đường hầm chạy

quanh đồn, hàng rào cây như thành lũy thời cổ, cả tháng không tin, râu dài không cạo, thân thuộc với nhơ bẩn, mùi mồ hôi chua thân yêu.

Lịnh mở tròn mắt: không thể hiểu được bọn nó, hàng tháng chui lủi trong rừng, có những thằng moi được ở dưới hầm lên trông không khác gì một người bạch tạng, ấn ngón tay vào thịt nó lõm vào rất lâu mới trở lại bình thường, người nó hình như đầy nước, không còn cả ý niệm về ngày đêm, phải chống trả với những kẻ thù như thế...

Nắng chói chang, trên những ngọn cây thấp đều như bám đầy bụi đất đỏ khiến cho cành lá úa vàng cằn khô. Người đàn ông đi vào, những cử động hạn chế, bầu không khí nóng bức như thu giữ thêm những cử động lười biếng. Đám

người bên kia đường đông đặc lại trong nắng. Không một cơn gió nào lay động những ngọn cây.

Trên một mái nhà cao, vượt lên phía sau nó một ngọn cây không lá, mái ngói sẫm cũ. Không khí bùng bít trong một chiếc áo quan đóng kín, gấn nhựa trên những khe gỗ. Mày nằm trong đó ra sao. Chai bia thứ hai đã hết, chiếc ly cối trống không: mày cũng biết một hồi tao đã không còn uống rượu, uống một mình là đáng chán nhất, nhưng mày vẫn uống, đúng thế, uống bia một mình tao cũng không thích, nhưng uống với ai, nói với ai; thằng Thạch đã có con trai, mày biết con nó; thằng Vững thêm đứa con gái thứ hai, mày chưa biết đứa nhỏ này, 6 tháng tới thằng Đăng nó cưới vợ, mày biết vợ nó, xinh đấy chứ, đám cưới nó không có mày rồi, chắc là nhiều rượu, thì nó đã

nói với mày đó nhưng mày không còn để uống.

Ừ tại sao mày không cưới Hạnh, tại sao vậy, bao nhiêu tháng trước khi đi, ngay sau ngày nghỉ phép đầu tiên lo chuyện cưới vợ, chúng nó sợ, chúng nó lo chết, chúng nó muốn được an ủi, được tin một chút gì đó, thế mà mày lại không, hạnh phúc may mắn hay bất hạnh đau khổ cho Hạnh, mày có hối tiếc điều đó không; nhớ gì tới hần lúc mày sắp chết.

Thế là còn lại một mình tao, không còn thằng nào để đánh cá con số 2910 của người tù Lãnh Út nữa. Mày có thấy trong bệnh viện có cây gạo to lớn kia không, đâu cần gì phải mang một cây gạo từ suối về Mê thảo, có sẵn cả đó rồi, và cũng có tiếng khóc của Bá Nhỡ tiếng khóc của một cô Tư nào đó, tiếng khóc

của Hạnh chẳng hạn, phải không Linh.

Những ước vọng ngày nào; những mơ mộng thuở trước mày còn nhớ không? Hai chai bia rồi, tao cũng không muốn uống nữa. Đủ rồi. Thêm một điều nữa. Khói vàng úa nặng nhọc. Tôi đứng lên, trả tiền, vượt qua đường đến với đám đông. Một vài tiếng khóc tấm tức, một đứa nhỏ khóc rầy lên vì nóng, mồ hôi ướt đầm bết trên tóc. Sao không có một người thân nào của Linh. Hay mình ngủ mê. Linh không hề chết. Khí nóng hầm hập từ dưới mặt cỏ khô cháy bốc lên. Phúc đến cất tiếng gọi khẽ. Đôi mắt sưng húp. Linh đã chết thực. Chúng tôi lặng lẽ. Nói gì nữa.

Cánh cửa sắt nặng nề mở ra, đám người ta vào. Phúc dẫn tôi qua những lối đi có trái nhựa, hai bên những vườn cỏ

được chăm sóc, những gốc cây quét vôi trắng. Căn nhà nhỏ vuông trong một góc bệnh viện, bãi cỏ hoang, những cây cối tiêu sơ, dưới một tấm bạt, trên mấy chiếc ghế dài những người thân của Linh ngồi ở đó, không một vành khăn tang, mái tóc xõa của người mẹ, Hạnh ngồi ủ rũ bên một người bạn, bộ quần áo đen, mái tóc ngắn, chiếc khăn tay nhỏ. Linh nằm đó, lá cờ không đủ che hết chiếc quan tài gỗ, những ngọn nến leo lét, chiếc ống bơ cắm hương để trên một mảnh gỗ: ảnh Linh mỉm cười phía trước, ba vòng hoa. Tôi đứng im lắng nghe mình, Mấy người lính lóng ngóng đứng ngồi phía ngoài những người bạn nó. Phúc nói:

– Mấy người bạn ở đơn vị theo về cùng với anh ấy, có mấy người chết ngay được mang thẳng về nghĩa trang, ba người bị thương thì anh ấy nặng nhất.

Giọng ông thân nghẹn ngào:

– Tôi đã nói với nó, tôi coi tử vi cho nó thấy năm nay xấu lắm, tôi lo, ai ngờ thực như vậy. Nó coi thường quá. Tôi lo cho con Hạnh, được tin nó ngắt đi... số nó...

Những câu chuyện rời rạc, một vài kỷ niệm được nhắc đến. Chiếc quan tài gỗ. Phải rồi, chiếc quan tài gỗ. Không phải là chiếc quan tài bọc kẽm mảy nhắc đến với tao. Chiếc quan tài bọc kẽm, trong những chiếc quan tài bọc kẽm chở trên một chiếc cam-nhông từ cao nguyên về thành phố, đổ trước những căn nhà, tìm kiếm, và mang vào trong căn nhà những tiếng khóc đầy ắp. Người thân chết nằm trong đó thực không. Có khi không là gì. Nhưng chắc bây giờ mảy nằm trong đó. Mắt mảy nhắm lại với bàn tay thân

yêu nào đó vuốt lên. Bàn tay người cha già ít nói, khó tính của mày. Bây giờ mày hãy nhìn ông xem. Mày lấy mắt của ông những gì mày biết không. Mẹ mày ngồi đó, em mày ngồi đó, Hạnh ngồi đó, những bạn đồng ngũ, và tao. Mày khôn đấy. Mày đã chết thật. Còn nói gì với mày nữa. Tao muốn hỏi mày: nhớ Lãnh Út không, người tù 2910, những ảo tưởng mơ mộng của bọn mình. Cuộc chiến...

Nặng nghiêng xuống, bóng những dãy nhà đổ theo. Giọng trầm trầm thương cảm: giữa đêm nghe tiếng kêu thét lên, những người ngủ thức dậy, tao chạy ra thì thấy chiếc quan tài bị cạy tẩm ván thiên, người vợ muốn nhìn thấy mặt chồng, muốn tin đó là chồng mình thật, người thân yêu mình thật nằm trong đó, người ta không thể yên với những ngờ vực.

Nhưng đã muộn, trong lòng chiếc quan tài không có một khuôn mặt, không có một thân thể, trong đó chỉ là một bọc những thịt xương, làm sao để nói thật cái chết bi thảm mà hắn đã phải chịu, một cái chết tan xác. Làm sao để nói những điều ấy ra. Mọi người đứng nhìn ngơ ngác đau lòng. Người vợ ngất đi. Làm thế nào được. Trong cảnh đó tao muốn chết ngất. Chắc những người thân của nó không tin cả xương thịt người đã chết. Nhưng đằng nào thì hắn cũng đã chết.

Đám tang, người vợ cào cẩu trên mặt đất như một con chó điên. Người chết đã yên, nhưng còn người sống... Mày đã chọn cái yên tâm cho những người thân đó sao Linh. Mày khôn. Tao tin mày chết nằm trong đó. Không thì là khác. Giọng đùa đùa chua chát: trong một vụ máy

bay bị hạ, nát bầy, khi thu dọn xong xuôi, nhập quan hết, bọn nó lại moi được thêm một cánh tay, làm sao đây, biết ở cái nào mà bỏ vào...

Tao ngán nhất là chuyện phải đi báo tin cho người ta, báo tin một người con, một người chồng, một ông bố không còn nữa, lúc đó mình khác chi là thần chết, nói sao đây, đó là cái trò ghê tởm nhất, đứa nào cũng sợ cả. Mà muốn tao là mày không Linh. Thôi thế là xong. Tôi hỏi Phúc giờ đưa đám, Phúc nói sớm mai. Tôi đến ngồi bên Hạnh, mắt xúng đỏ, đôi môi mím. Người tình đã chết. Tôi muốn kiếm một vài lời gì đó nói với Hạnh nhưng không tìm thấy những điều có thể nói được.

Mặt trời đã xuống khuất, tôi đứng lên và ra về. Thôi mày nằm lại đó. Tao

về uống bia nữa. Mày mỉm cười đó hả. Được lắm.

Nền trời vẫn khói đục, những ngọn đèn đã bật lên, chiều xuống dần oi bức. Giọng Linh khô khan: cuộc chiến chưa hề lường được, có những điều xưa kia mình coi thường thì nay trở thành quan trọng, những điều xưa kia nhạt thoáng nay thành tha thiết.

Cách xa hàng mấy tháng trở về nhìn bố mẹ, em nhỏ, người tình, những thân yêu hơn, chua xót hơn, đậm ấm hơn. Tấm ảnh thân yêu nhàu nát trong túi áo như một thứ bùa hộ mệnh...

Mất đi quá nhiều thứ rồi tới lúc mất hết nữa, nhưng người ta ít nghĩ tới cái chót đó, đó là một điều rất kỳ, không giải thích được rõ ràng đâu. Nó vậy à. Làm

thế nào được. Phải nhận là họ can đảm thực, hăng say thực, nếu không thì cậu còn mà được yên thế này, mất lâu rồi. Những chịu đựng không thể lường được, cái chết kể bên.

Sợi dây căng trên vực thẳm từ hai mươi năm cho chúng ta đi qua, phải đi qua như những người leo dây trong gánh xiếc, có lúc tao nghĩ chua chát như thế...

Giọng nói, tiếng cười ngắt ngắt trong trên lùm cây, trong con phố, buổi chiều nhòa nhạt, những ngọn nến vàng, khói hương, tiếng thở dài những người thân yêu, mà chưa có vợ, chưa có con, không ai đội khăn trắng, một cái chết yên tâm. Mà đã thu xếp cho mà vậy phải không. Khuôn mặt vuông, đôi môi dày, lông mày rậm, râu nhiều, tiếng nói khô, người mảnh, tiếng cười ngắt ngắt...

Đi ngang qua những vùng đồng không, những vườn cây trái, những rừng dừa ngút ngàn, những con sông êm đềm, xanh biếc, thiên đường có đó nhưng bọn mình không được sống, một mái nhà tranh bên dòng nước, vườn cây, ruộng lúa vàng... cái mơ tưởng chẳng là gì ấy cũng không thực hiện được.

Những người nông dân không còn cầm đến cày, không còn trồng lúa, những dân chài không còn đánh cá, những người đồn củi không còn đi rừng củ như thế kéo dài độ hai mươi năm nữa, những đứa trẻ sinh ra lớn lên trên những thành phố, khu tập trung, những đứa trẻ ngày nay thấy chúng đứng ngơ ngác bên đường phố, chơi ống bơ, coi xi-nê bắn súng, vui đùa giữa những gạch ngói, phố xá, không biết tới ruộng đồng, sông rạch, con trâu như thế hai mươi năm nữa thì

chúng có biết thế nào là trái thị trong chuyện Tấm Cám, chiếc gàu tát nước ra sao không ngoài những điều được giải nghĩa trong sách... khi đó chúng lớn lên ngạc nhiên lúng túng nhìn những cánh đồng bát ngát đầy cỏ dại... Linh mày còn nhớ không?

Căn gác nhỏ, cơn mưa đổ rào rào. Linh mày đã nói sao nhớ không khi nghe tao nói: những lúc ở xa mày nhớ gì nhất – Nhớ nhiều thứ, nhớ từ một quán phở, một buổi dạo chơi, muốn được về ngồi trông thấy mọi người, nhìn người tình chải tóc, sửa soạn đi chơi, nhớ những cái rất tầm thường và ước mơ cả những cái rất tầm thường mà xưa kia mình không để ý đến. Hỏi về một quận lỵ nhỏ, mỗi chiều đứng trên lô cốt nhìn xuống phía trường học trông những học sinh từng đoàn ra về, chạy nhảy, hay theo dõi những

chuyến đò từ Sài Gòn xuống bỏ lại mấy người khách và có lúc nghĩ biết đâu có một người nào xuống thăm, có những ngày buồn nhận được thư gia đình với những lời hỏi thăm bình thường nhưng đủ cho mình ứa nước mắt, nhớ mẹ, nhớ em, nhớ bố, nhớ những bữa cơm trong gia đình, phải xa những cái đó mới hiểu được, bình thường thì có gì đâu... Rồi bây giờ mày nhớ không...

Buổi sáng bình lặng khô khan, chiếc xích-lô máy cùn cào trong tiếng động, vị cà phê đắng trên môi, hơi thuốc đầy khó chịu, những khuôn mặt quen bình thường, bạn đồng ngũ của Linh nhiều hơn, những khẩu súng trong tay đứng dàn hai bên. Không có Thạch, không có Vững chỉ có Đặng. Đặng nhìn ngơ ngàng:

– Cái thằng tệ thật, mình thiếu phù rế. Trận nào vậy?

– Bọn nó đánh đồn, mười đánh một là ít....

– Trông Hạnh tội nghiệp.

Khuôn mặt nhỏ hốc hác, tôi không dám nhìn lâu, quàng mắt tối, tiếng khóc bứt rứt. Bốn người phụ đám đi vào, những vòng hoa được chất lên mui xe, tiếng hô, súng bông chào, tiếng khóc òa lên, chiếc quan tài trên vai, mày nằm trong yên ngủ không còn mím cười. Tao đưa mày tới nghĩa trang.

Tao ngồi với mày đây. Gia đình mày. Thằng Phúc nó lại khóc nữa. Hạnh gục mặt trong hai tay. Những người bạn đồng ngũ của mày ngồi trên chiếc xe nhà binh chạy phía sau. Đây là dưới chân mày. Mày

biết không, nắng lên trong sáng. Xuống dưới đó tìm thử xem, một con số 2910 nào đó. Chiếc quan tài vuông vức, chắc chắn, nếu mày thấy, chiếc huyết đào sẵn đây ắp nắng buổi sớm mai...

(1966)

MỘT CHỖ KHÔNG NGƯỜI

Huỳnh Phan Anh

Có gì để nói trên cái chết của một người, một tai nạn thông thường được kể lại vắn tắt cạnh những tin vật mỗi ngày không đủ sức gây chú ý, cùng lắm chỉ có thể trở thành thú tiêu khiển nhạt nhẽo cho một người tò mò, tạo một xúc động hơi hợt cho những tâm hồn lãng mạn dễ thương vay khóc

muốn, trong trường hợp này người ta sẽ buột miệng than vãn, đặt câu hỏi, tìm giả thuyết quanh cái chết của người thiếu phụ trẻ đẹp kia hẳn nàng cũng có một mái gia đình một hạnh phúc, đã trở nên thừa thãi, rồi chồng rồi con, nỗi khổ của những người ở lại.

Nhưng tại sao nàng lại một thân một mình đến phải vong mạng thảm thương như thế (tai nạn xảy ra trên đường về thành phố giữa một thị trấn buồn thiu miền cao nguyên ngút lạnh), có điều bí ẩn trong cái chết đó, tai nạn đã đến với nàng hay chính nàng đã tìm cách trốn khỏi cuộc sống này, cái chết của nàng hay màn chót một tấn kịch buồn bắt đầu từ đó người ta có thể, với một chút tưởng tượng kể lại, viết lại thành một câu chuyện tình, biết đâu đó, với những yếu tố cần thiết đủ làm sống lại một mẫu

người, dựng lên một hình ảnh hay một huyền thoại, hãy gọi đó là văn chương, văn chương vốn bắt đầu từ hư tưởng một số người và lòng dễ tin số người khác, phải không.

Và liệu tôi sẽ tiết lộ được gì, tôi, trên cái chết của một người, trên một người đã chết đã chọn, dù sao, niềm im lặng đời đời, hay ít ra tôi có gì để nói nhân cái chết đó dù với một ai, dù với chính tôi, một cách trả lời cho những đòi hỏi trong tôi về một biện minh, một giải thích: những đòi hỏi không đâu đôi khi quyết liệt đến vô lý. Người đàn bà đó đã chết. Thật ra tôi không biết gì ngoài sự việc nàng “đã chết”.

Tôi không thể tìm hiểu được gì mặc dù những cố gắng. Tôi chỉ còn biết tự an ủi mình một cách lười biếng, tốt hơn hết

là hãy im lặng. Tôi sẽ im lặng (tới bao giờ) như tôi vẫn nhủ thầm, đừng nghĩ ngợi đừng nói năng đừng chuẩn bị gì, hãy coi biến cố xảy ra như một cuộc dàn xếp êm đẹp nhất, một cách kết thúc lý tưởng nhất.

Tôi tìm lại tình cảm yên thân ngày nào của đời sống cô đơn, rỗng không, buồn bã, anh vẫn thế, anh không khác xưa chút nào, anh có nhìn nhận không, một người đàn bà thỉnh thoảng đến rồi đi, đến không đợi chờ đi không xua đuổi, với anh tình yêu chỉ là sự nhắc lại một số cảm giác, một số lễ nghi cũ, tình yêu không thay đổi được gì và tôi, tôi cũng không mang đến cho anh được gì, có phải thế không?

Một đời sống tự do, tự do như một cái gì thừa thãi, không biết sử dụng vào

đâu, cách nào. Như trong những giây phút này đây, tôi tự hỏi, làm gì, việc gì sắp sửa xảy ra, tai nạn nào đang đợi tôi và tôi đang giông ruổi về đâu. Ý định rời bỏ thị trấn (những chuyến đi trong đời ta!) đã tan rã trong tôi, đã trở nên vô ích bởi vì nàng đã chết: thành phố hện hò nơi hai người (lẽ ra) sẽ gặp nhau sẽ chung sống với nhau trong khoảng thời gian cần thiết nào đó như họ đã giao ước với nhau trong lần gặp gỡ sau cùng, một cách giải quyết dứt khoát vấn đề, một cách xét lại lòng mình như người ta vẫn nói, thành phố đó chỉ còn là một hình ảnh chết, một phi lý hoàn toàn. Tuy nhiên bằng cách nào tôi có thể yên ổn trong ý nghĩ của mình về cái chết của nàng như một cảm đoán, một công cuộc dàn xếp (không còn gì để nói trên một cuộc tình đã an bài), điều tôi vẫn tự hỏi là trong một tương lai bình thường (không có sự

trắc trở, cái chết kia) liệu hai người còn có thể gặp nhau một lần nào khác dù trong tình cờ dù trong hò hẹn.

Thật ra tôi đã dứt khoát được gì trong cuộc trù liệu hệ trọng nói trên và liệu nàng có nhận ra, một trí tuệ thông minh như nàng một tuổi tác già dặn như nàng, vẻ gương gạo trong lời nói cách nói của tôi. Tôi không muốn nàng thất vọng, vốn đã là một người tình không sung sướng (một người tình, một người đàn bà) và chính đó là lý do khiến tôi phải khổ sở, tôi lúng chùng ở giữa sự tàn nhẫn và tính nhu nhược, biết làm thế nào được, tôi chưa xót nhận ra điều này, mấy phải cố gắng, mấy phải sửa đổi, một cách nào đó, mấy phải chọn, như mọi người vẫn nói, vâng tôi biết tôi phải làm gì, tới đâu, và tôi cũng đã tự hứa với mình, mấy

phải khá hơn bằng mọi cách bằng mọi giá, mấy phải...

Những lần gặp nhau, nàng đã không âm thầm nhắc nhở tôi điều đó (nàng không nói gì, nàng vẫn không nói gì.) Yêu nhau, phải chẳng là nói cho nhau nghe những thiếu sót, những hư hỏng của chính mình, cùng nhau hứa hẹn, chuẩn bị một đời sống, một tình yêu tương đối khá hơn khả dĩ có thể chấp nhận được, những đứa bé đó đã đến với nhau, ràng buộc lấy nhau, vì đâu, những đứa bé vô vọng những đứa con hư hỏng, những vô vọng và hư hỏng đã mang chúng đến gần nhau, ở lại với nhau, chúng có trách nhiệm gì, chúng vẫn tự hỏi, chúng vẫn hỏi với nhau, có lẽ vì chúng vẫn không biết rằng thâm kịch (nếu hai tiếng này còn có một ý nghĩa) bắt đầu từ đâu bao giờ hay đã có sẵn từ bao giờ, chờ đợi, rình

rập và không bao giờ nữa buông tha.

Ôi! Những đứa trẻ yêu nhau muộn màng như đã từng sống lỡ, những đứa trẻ đã bước vào một cuộc chơi không kỳ thú, những đứa trẻ buồn. Liệu chúng sẽ cứu gỡ vào đâu. Hãy cho chúng một dịp may nếu dịp may là điều có thật. Không, các con hãy đón nhận lấy số phận của mình, hạnh phúc các con đó, biết không. Đừng hỏi tại sao chúng ta gặp nhau.

Hãy hỏi tại sao chúng ta vẫn tiếp tục gặp nhau. Gặp nhau, không giải quyết được gì. Gặp nhau không do tình yêu mang đến, có lẽ là nỗi khổ, không để được gần nhau, có lẽ để xa nhau hơn: tiếp tục sống trong khoảng cách, cái khoảng cách (thân yêu và ghê gớm đó) vừa tầm cho ảo tưởng đồng thời cho một tình cảm bại vong, một hy vọng vô phương

đến gần một thiệt hại vô phương hàn gắn.

Em chưa bao giờ biết được anh là ai. Tưởng tượng một người đàn bà trên con đường dài đưa nàng đi trốn (những thói quen, những bốn phận, những cực hình quá nặng nề cho tâm hồn yếu đuối kia) đưa nàng tới một vùng ẩn náu giả tạo, một vòng tay nàng tình nguyện ngã vào: nàng phải dừng lại nơi nào đó, một nơi nào cho những bước chân mỗi mết.

Vâng nàng đã tìm đến gian phòng trống lạnh đứng nép mình sau ngôi nhà cũ kỹ giữa một vùng cỏ cây hoang dại, một ngôi nhà bị bỏ quên, một ngôi nhà hoang trong thoạt nhìn, nàng đến trên những bước đi thất lạc giữa một vùng cỏ biếc cao tận gối, sẽ chậm lại đôi khi, có thể một ý nghĩ nào đó chợt hiện lên – những

ám ảnh những bối rối, những mâu thuẫn (nàng tiết lộ: vẫn là tình cảm phiêu lưu của một tâm hồn mù quáng chính là em, hãy tưởng tượng rằng em sung sướng, hãy nói rằng em sung sướng, em muốn anh nhìn trên em trọn nỗi sung sướng đến nóng rát thịt da trên em hình ảnh người tình với tất cả yếu đuối những liều mạng những sa ngã nhưng dường như, anh đừng chối, anh chỉ tìm thấy, bắt gặp một tâm hồn thiếu náo, có phải một cái gì cay đắng xót xa em không che giấu được dưới mắt anh) – những giây phút đó, nàng chỉ còn là một bóng dáng khổ hạnh, một tâm hồn luôn khuấy động, luôn phải tìm cách chế ngự chính mình, và tôi sẽ tự hỏi nàng đã phải vượt qua bao nhiêu trở ngại trong những chuyến đi táo bạo đưa tới một tình yêu phù phiếm (tôi).

Nàng khổ, điều này có thật, cũng là điều làm tôi khó chịu, tôi vốn không quen với những chịu đựng tương tự (con ơ, nếu phải nghĩ rằng lương tâm luôn lên tiếng trong con). Có lẽ tôi không bao giờ chuẩn bị để gánh lấy nỗi khổ của bất luận một kẻ nào khác. Tôi lại càng không thể góp phần giúp đỡ được gì cho ai trong mưu đồ hạnh phúc.

Nàng đã không bảo tôi là một con người vô can hay sao? Nàng nói, em biết anh không hề chấp nhận một người đàn bà (dù là em dù là một ai khác) bỗng dưng từ bỏ tất cả chỉ để được gặp anh, nhìn anh, ở bên anh và nói mình khổ. Nếu anh biết rằng đó chính thật là điều quan trọng ngoài ra không còn gì đáng kể (còn gì đáng kể nữa tôi chỉ là một người đàn bà yếu đuối, hư hỏng từ lâu không biết tới niềm vui sống từ lâu rồi trước

khi gặp anh, gặp anh lần đầu tiên, tôi chỉ còn là một đứa trẻ bối rối, một tâm sự được nhìn ngắm tận mặt, một niềm bí ẩn bị tóm thâu không chạy chối).

Điều tôi vẫn tự hỏi điều nàng không hề (không can đảm) đặt ra: người đàn ông, tôi, đã xuất hiện trong cuộc sống lặng lẽ của nàng như một thứ hạnh phúc đáng phàn nàn (thế nào là hạnh phúc, một con người hạnh phúc, một cuộc tình hạnh phúc) hay một bước đường sa đọa, tất cả đều khó hiểu đối với tôi. Liệu tôi có thể làm được gì cho kẻ khác dù là một ân huệ, dù là một nỗi thất vọng đắng cay hay sung sướng.

Người ta đợi gì ở tôi. Người ta được quyền hy vọng gì ở tôi. Trong bóng tối hèn hờ (bóng tối, tội lỗi), những giao ước, những mưu toan, những mộng tưởng

còn để lại gì trong trí nhớ họ, những người tình cô đơn đã đến với nhau một lần trên bước đường giông ruồi, đã gặp lại nhau như đã từng chia tay nhau, không chờ, không hẹn.

Thật đơn giản, hãy đến với nhau nếu cần, nếu có thể: tình yêu là cái gì không đến nỗi tệ hại, dù sao. Một ngày nào có thể người đàn bà, trong một phút sáng suốt, nhận ra những bước chân lầm lỡ của mình, tại sao mình có thì như vậy được, tại sao mình có thể chấp nhận quá dễ dàng, tại sao, để rồi không bao giờ nữa từ gian phòng tẻ lạnh, đổ nát, tôi còn được dịp nhìn qua khung cửa sổ khuôn mặt nhạt nhòa của một ngày mưa, sự hiện diện bất chợt và thích thú, cuộc tình nguyện e dè, tất cả chuẩn bị một cuộc tình êm đềm, hứng thú (tất cả: những gì còn lại trong trí nhớ lười

biếng, rời rã): nàng đã quyết định, nàng không thể tiếp tục và như vậy là chấm dứt một chuyến phiêu lưu, nàng trở về, hạnh phúc kia vẫn nguyên vẹn như ngày nào, không.

Sự trở về, làm gì có, bởi thật sự nàng có đi một bước nào, nàng vẫn đứng yên một chỗ, mọi sự vẫn yên ổn trong vị trí ban đầu, nàng chỉ là một kẻ lãng quên, có phải. Tôi tìm câu kết luận cho những ý nghĩ què quặt của mình. Tôi nghĩ tới niềm vui của kẻ đã trang trải, trút bỏ những sức nặng trên đời mình. Một ngày nào đó, tôi chợt nhìn vào khoảng trống nàng để lại, nỗi thất bại một tình yêu (của một đời người), như người ta vẫn nói, nhủ thầm đây là khoảnh khắc ta mong đợi, đây mới là nơi chốn của riêng ta, đây chính là căn phần ta.

Một kẻ nào đã nói, anh không giống ai, anh độc ác và anh không bao giờ biết. Có thật vậy không? Có thật là lỗi ở tôi. Đây là sự thật nàng dừng dừng bước vào. Đây là sự thật tôi tìm kiếm. Đêm nay, và còn bao đêm nữa, trong gian phòng trống lạnh, kín bưng, ngọn nến kia sẽ cùng tôi thức trắng tới bao giờ. Ngoài kia, trên kia, đêm vẫn bủa giăng có phải. Hãy đốt lên ngọn lửa và ngồi đó. Ai đang lên tiếng đó. Vẫn giọng nói thì thầm giục giã đâu đây.

Ngọn nến đã đốt lên rồi có phải (Ôi bao nhiêu ngọn lửa đã cháy trong đời ta).

ÔNG GIÀ IM LẶNG

Mai Thảo

Ông lão già đột nhiên thức giấc. Bấy giờ đêm đã khuya lắm, bởi vì bốn bề chung quanh chỉ còn là hoàn toàn im lặng.

Đêm rất mát. Căn buồng nhỏ chìm trong bóng tối, thứ bóng tối kéo sâu vào giấc ngủ bần bật, nhưng ông già biết mình không ngủ được nữa. Đầu óc ông

tĩnh táo lạ thường. Thoáng nghe thấy đầu đó, thả giọt vào cái thăm thăm của một vũng đêm vô bờ và không đáy, tiếng chuông đồng hồ của nhà hàng xóm nào.

Ông già nằm lắng nghe tiếng chuông, đếm đủ trong đầu mười hai giọt âm thanh khoan thai buông. Và nghe từng tiếng đó ngân nga tỏa rộng trong cõi xế chiều thanh thản của đời mình.

Đến tết năm nay, mình vừa tròn sáu mươi tư tuổi, ông già nghĩ thầm. Những đêm trước đây, đau yếu luôn luôn, phiền muộn không ngừng, ông già hằng sống với cái ý tưởng u uất là ông chẳng còn được có mặt nhiều năm tháng nữa trên cõi đời khốn nạn này. Thân thể khô héo và rũ liệt, đã từ lâu lết buông rãi rời trong một thứ tâm bệnh u uất gây nên bởi cảnh ngộ gia đình cùng quẫn.

Mấy năm trước, không, chỉ mấy tháng trước đây thôi, ông lão già buồn tênh thế sự, chán ngán cuộc đời, chỉ muốn nằm xuống. Cho ngủ thiếp đi. Cho không bao giờ trở dậy. Về cực lạc. Theo chân những người đã thiên cổ trước mình. Vĩnh viễn tan nhòa vào tịch mịch hằng cửu. Sống thêm một vài tuổi thọ nữa để làm cái quái gì. Sống thêm một ngày là nhục thêm một ngày. Mắt còn thấy tai còn nghe, chỉ là để tiếp nhận và xếp chồng cho cao ngất trong tâm thể những phiền sầu đau âm thầm như những vùng bóng tối phủ trùm lên một trạng huống đã thoi thóp, làm thảm sâu thêm một cảnh tượng nội giới đã rất đổi hoang hôn.

Phải, chỉ mấy tháng trước đây thôi, ông lão già bị phần đến ngày khát khao được tử thần đến kiếm. Ông không muốn

sống nữa. Mắt hãy cho mù. Tai hãy cho điếc. Đầu óc hãy cho tê liệt. Những dòng máu chảy mỗi mệ và đứt quãng dưới lớp da thịt khô héo, những dòng máu hãy ngừng lại cho con tim đau thôi đập, cho tôi được về cùng tổ tiên tôi ở thế giới bên kia.

Chết là một giải thoát. Ông già muốn được giải thoát. Ông già chỉ muốn chết.

Điều ân hận nhất là không được chết trên một mảnh đất quê hương, trong cái nghĩa địa nghìn trùng xa khuất của một thôn xóm miền Bắc ngoài kia, để được ngủ giấc ngủ nghìn thu bên cạnh những phần mộ của một dòng họ lấy lòng và hiển hách.

Khung cửa mờ mờ ngó ra khoảng sân, trước cặp mắt còn tinh tường của

ông lão già không ngủ, bây giờ đã phảng phất một màu xanh mơ hồ của sương biếc dấy lên. Và ông già nằm nghiêng, đầu gối lên cánh tay, nhìn ra cái khung vuông cửa sổ đã ướt đầm sương đêm cuối năm mà hồi tưởng lại cuộc đời đã thời gian chất nặng của mình.

Những kỷ niệm cũ, những hình bóng xưa chập chờn nổi trội trên cái nền nhạt loãng vật vờ của dĩ vãng. Mỗi kỷ niệm, mỗi hình bóng đóng khung lấy một dấu mốc năm tháng đã về cũ.

Tòa biệt thự ấy, cái ấp cái trại ấy, những thửa vườn đầy trái ngọt và hoa thơm nở theo thời tiết và nắng mưa bốn mùa ấy, có còn nguyên vẹn như ngày ông bỏ đi? Mấy trăm mẫu ruộng thẳng cánh cò bay, tới vụ chiêm, tới vụ mùa, lúa vàng nườm nượp, sở hữu của một đời làm ăn

vất vả sớm hôm tối ngày, nay đã thuộc về kẻ nào?

Bọn khốn nạn. Chúng nó nổi dậy và đã cướp sống cướp chín hết công lao làm bằng mồ hôi và nước mắt của ông lão già nhân hậu. Còn trời đất nào nữa. Thần thánh chết rồi. Phật Chúa cũng không có mắt. Trời chẳng chiều người. Thời thế tao loạn. Cuộc đời tàn nhẫn. Đối đời gì mà lại có cái thứ đối đời ăn mày ăn xin như thế được. Giàu có như ông lo, là do hai bàn tay trắng gây nên, là những kết quả tích lũy của cái ăn hiền ở lành, sao giàu có lại là một trọng tội được?

Ấy thế mà ấn tượng của một cuộc đấu tố địa chủ rừng rợn cũng đã có thừa sức mạnh đẩy những bước chân tuổi tác vào con đường tha hương giữa lúc cuộc

đời ông lão đáng lẽ có quyền được biết đến an hưởng.

Những đoạn đường điêu linh. Một phi trường mù sương. Một chuyến máy bay cất cánh trong mưa phùn lạnh buốt. Bầu không khí đầy những xáo trộn kinh hoàng bao trùm từ một bản hiệp định chia cắt đất nước. Miền Bắc bỏ đi. Miền Nam tìm đến.

Mười năm trôi qua và ông lão già buồn tênh với cái xế chiều bất hạnh của mình. Đi là gần như trắng tay mà đi, bởi mất gần như là mất hết. Sang được căn nhà nhỏ trong khu phố yên tĩnh này, khoản tiền còn lại, thêm một vài lượng vàng, chi tiêu dè sẻn lắm cũng đã đoán thấy sự khánh kiệt chắc chắn và gần gũi.

Tấn thăm kịch nhân sinh bắt đầu mở màn. Nhà cả thấy có năm miệng ăn. Nhưng mười bàn tay, không một bàn tay nào kiếm ra tiền ra gạo. Một người vợ quanh năm đau yếu. Một cô con gái và hai đứa cháu nhỏ mang theo. Người đàn ông duy nhất đứng ở đầu sóng ngọn gió, hằng nhận chịu một trách nhiệm về những nhu cầu vật chất cho toàn thể gia đình vẫn là ông lão già mà thời thế và tuổi đời đã làm cho vô dụng.

Đất khách quê người. Không họ hàng thân thích. Làm thế nào đây?

Ngoại trừ một sự mâu nhiệm nào, chỉ còn nước nhìn nhau mà chết đói.

Nỗi lo lắng tủi nhục hành hạ người chủ ruộng miền Bắc mất nghiệp di cư, hành hạ đêm ngày như một cực hình. Lo

quá, mỗi nỗi lo là một sợi tóc bạc. Nghĩ lắm, không đêm nào ông lão ngủ được tới sáng. Đêm dài thao thức nào cũng là một đêm của ác mộng và địa ngục. Ông lão già tuyệt vọng, vô kế khả thi, khát khao mong chờ cái chết. Như mong chờ một giải thoát cuối cùng.

* * *

Nhưng trời không đóng cửa ai bao giờ.

Trong nhà, có người vừa tìm được việc làm. Đó là người con gái. Ba tháng trước đây, một buổi kia, sau bữa cơm chiều, thiếu nữ báo tin cho cha là nàng đã tìm được việc làm. Hai mẹ con đưa mắt nhìn nhau. Ý chừng là cô gái đã báo tin vui này cho mẹ biết trước. Một tiệm ăn trong tận khu Chợ Lớn Mới muốn

cô gái làm nữ thân ngân. Cả ngày nghỉ ở nhà. Tối đến, mới phải đi làm và cửa tiệm mở khuya lắm, chờ cho đóng cửa, cộng sổ, nộp tiền cho chủ xong, về đến nhà cũng phải trước sau nửa đêm.

Ông lão già ngăm nhìn đứa con gái đã dậy thì, nghĩ mà xót thương mà ngậm ngùi cho một cuộc đời thiếu nữ. Lần đầu tiên ông lão thấy con mình thân hình uyển chuyển, nhan sắc đậm đà. Thời thế không đổi thay, cuộc đời đời không làm trắng hóa đen, làm ông hóa thẳng, đẩy sắp người ta từ một đỉnh cao xuống bâng hoàng vực thẳm, làm gì con gái ông phải dẫn thân đi làm, để nuôi gia đình. Nó sẽ được nuông chiều. Nó sẽ được sung sướng. Cho đến khi nó bước lên một chiếc xe hoa về nhà chồng.

Nhưng thời đã thế, thế thời phải thế. Cổ nhân đã nói mà. Người ta lúc thế này lúc thế khác, như ngọn triều khi đầy khi vơi. Và các việc đi làm của đứa con gái thôi cũng đang coi là một lối thoát cuối cùng, và không còn lối thoát nào khác.

*

Cho đến đêm nay, ông lão lại chột nửa đêm thức dậy, cô con gái đi làm nghề giữ sổ thu tiền cho một tiệm ăn trong Chợ Lớn thắm thoát đã được gần ba tháng. Gia đình qua cơn túng quẫn rồi. Thập gạo đầy. Tiền nhà, tiền điện tháng tháng trả sòng phẳng, còn sắm sửa thêm được ít nhiều đồ đạc, và tốt nhất đến nơi còn may mặc được cho từng người trong nhà, mỗi người vài bộ quần áo mới. Cũng là yên, cũng là xong.

Ông lão già không phải còn lao tâm khổ tứ nữa.

Trời không đóng cửa ai mãi mãi bao giờ.

Cho nên, đêm cuối năm này, ông lão đi ra khỏi giấc ngủ trong một trạng thái tinh thần bình yên và thư thái.

Ông lão lắng tai nghe. Căn nhà chìm đắm hoàn toàn trong yên lặng và bóng tối. Vợ ông chắc đã ngủ say. Con gái ông giờ này chắc cũng đã đi làm về rồi. Chỉ riêng mình ông còn thức.

Bất chợt ông lão già ngửi thấy một mùi thơm phảng phất từ khoảng sân nhỏ um tùm bóng lá lùa vào. Đó là mùi thơm của những cánh dạ lan nở hoa ngoài đầu cổng.

Mùi thơm mát dịu của loài hoa đêm quỳnh rũ ông lão ngồi dậy, và mở cửa đi ra. Khuất sau thân cây dạ lan, vẫn có một cái ghế xích đu, là nơi ông lão thường nằm suy nghĩ khi buổi chiều thành phố đã nhạt nắng. Ông lão muốn ra nằm ở đó một lát.

Mang theo một cái chăn mỏng gối đầu, ông lão bước xuống khoảng sân đầm đầm bóng tối, dò hướng tiến lại nơi đặt cái ghế xích đu. Và đặt mình nằm xuống.

Qua những kẽ lá, đêm cuối năm trên đầu yên tĩnh trải rộng dưới một vòm trời lác đác sao. Gió thổi nhẹ trên bờ tường thấp, lọt qua cánh cửa đóng, lùa vào thân thể. Cái xế chiều của tuổi tác cũng phảng phất như lúc nửa khuya này. Ông lão chợp mắt thiếp đi lúc nào không hay.

Như thế không biết bao lâu. Rồi một tiếng động làm cho ông ta giật mình tỉnh dậy. Một bàn tay vừa gõ nhẹ vào thành cửa. Tiếp theo một tiếng gọi nhẹ:

– Mẹ ơi!

Ông lão nhận ra tiếng con gái mình. Ông ta vừa toan lên tiếng, thì một bóng người đã từ trong nhà đi ra.

Một tiếng trả lời, cũng chỉ vừa đủ nghe thấy:

– Con đấy ư? Sao bây giờ mày mới về.

Thì ra vợ ông còn thức, vợ ông vẫn chưa ngủ đã ra mở cửa cho con gái. Ông lão lại nằm im. Tưởng con ông đã về từ lâu rồi chứ. Chắc gần Tết tiệm ăn mở

khuya hơn và con gái ông cũng phải ở lại tiệm muộn hơn mọi ngày.

Nhưng liền đó, ông lão bỗng giật mình, dựng hết cả hai vành tai nghe ngóng:

– Nó có trả tiền không?

– Có. Nhưng quýt mất hai trăm.

– Nghĩa là chị có tám trăm. Đồ khốn nạn.

– Lần sau con không đi với cái thằng mặt chuột ấy nữa. Nó hành hạ con đau như. Nó làm tình với con như một con vật. Thiếu gì thằng mà mẹ cứ bắt con phải đi với thằng ấy.

– Thôi, không muốn đi với thằng ấy thì thôi. Cái thằng ở trên Phú Nhuận, mày đã đến với nó hai lần, mày còn nhớ chứ?

– Nhớ. Anh ấy đỡ hơn, tử tế lắm. Mẹ gặp hả?

– Hồi chiều nó gặp tao ngoài chợ. Hẹn tối mai. Bảo mày cứ đến cái phòng ngủ ở đường Đề Thám. Nó sẽ chờ ở đó.

Một lát yên lặng. Rồi tiếng người mẹ:

– Thôi đi vào, đừng nói gì nữa. Thấy mày mà nghe thấy thì chết cả tao lẫn mày.

Hai mẹ con rón rén đi vào rồi và ông lão nằm trên ghế xích đu khuất lấp sau cây dạ lan thì không cử động được. Ông

lão tê dại cả người. Một nỗi chết lớn lao rùng rợn bao trùm lạnh buốt đến cùng khắp xương tủy. Thì ra con gái ông không có đi thuê ngân cho một tiệm ăn trong Chợ Lớn nào hết. Nó chỉ đi làm dĩ. Bán thân nó để nuôi ông. Để nuôi cả nhà.

* * *

Sáng sớm hôm sau, một người chị hai từ trong ngõ, gánh đôi thùng nước đi ra, khi tới ngang tầm cây dạ lan thì chị ta quăng đôi thùng rú lên thất thanh.

Lũng lẳng trên một cành thấp, ông lão già đã thắt cổ tự tử.

SƯƠNG MÙ VÀ LÁ

Nguyễn Đình Toàn

hượng ra khỏi nhà lúc bảy giờ chiều, ngày chủ nhật cuối năm buồn và hơi lạnh. Phượng không có công việc gì cần phải vội vàng. Nàng chỉ muốn tìm một chỗ yên lặng, vắng vẻ để suy nghĩ về một chuyện.

Thực ra, Phượng cũng không biết chắc mình có thể tìm ra một giải pháp

nào cho quãng đời sắp tới của mình, nhưng dù thế nào thì nàng vẫn phải có một quyết định. Thành phố trong một ngày nghỉ vắng vẻ mọi người hình như không được yên ổn cho lắm, mặc dù bên ngoài họ đều có vẻ bình thản.

Những biến chuyện thời cuộc đã đè nặng lên tất cả, tin tức về cuộc hòa đàm tại Ba-Lê, những trận đánh kéo dài suốt từ tết Mậu Thân và các cuộc pháo kích vẫn còn là những nỗi lo sợ cay đắng của mọi người. Bao giờ hòa bình sẽ tới? Điều mà tất cả mọi người đều khát khao đó, đôi lúc nghe xa vắng và bí mật như những địa điểm từ đó, những trái đạn đã được bắn đi, người ta vẫn chỉ thấy những tai họa tới gần giáng xuống, hòa bình ở đâu, ai biết? Trong cội mù mịt của hiểm họa và hy vọng đó, những đời sống riêng

tư vẫn tiếp tục. Như nỗi âu lo trong lòng Phượng hiện giờ.

Từ ngày mẹ bỏ đi, cái ngày đó đã xa như tuổi thơ buồn thảm của Phượng, nàng đã được cha đưa về sống ở cái thành phố lạnh lẽo, nhỏ bé này. Năm nay, Phượng đã mười tám tuổi. Phượng đã sống mười sáu năm trong cái nhịp sống trể nải, âm thầm và nhạt nhẽo của cái tỉnh lỵ này.

Nàng đã quen, đã nhớ từng góc phố, từng viên gạch trên lề đường, cả giọng nói của một số những người dân ở đây, họ có thể đều là thân chủ của cha nàng, bác sĩ Phát, vì làm thế nào sống mười mấy năm trong cái tỉnh lỵ này, người ta không một lần đau ốm? Cha nàng lại là vị bác sĩ giỏi nhất của thành phố, các

bệnh nhân đã nói như vậy. Ông cũng là thầy thuốc già nhất ở đây.

Chính tuổi già của ông là vấn đề đã làm xáo trộn cả tâm hồn Phượng từ chiều qua, sau mười mấy năm sống êm ả như dòng nước của con sông chảy giữa thành phố. Con sông mà vào những ngày gió lớn cũng chỉ đủ gây nên những lượn sóng dạt dào như tiếng gió thổi hút qua rặng thông của ngôi chùa trên ngọn núi nhỏ đầu thành phố.

Chiều qua, sau bữa cơm tối, như thường lệ hai cha con ngồi uống trà ngoài hiên. Trong một lúc bất chợt nhất, vị bác sĩ già đã nói cho con gái biết về cái chết có thể sẽ đến với ông nay mai. Lúc đó, những tiếng động trong tỉnh đã thừa thốt, đêm trông mỏng manh và yếu đuối như những ngôi sao vừa mọc trên nền

trời mờ hơi nước.

Ông cụ nằm ngả lưng trên chiếc ghế vải sẽ đu đưa. Phượng nhìn thấy mái tóc và cả hai hàng lông mày cha đã bạc trắng. Trên dòng sông trước cửa nhà, lúc đó, có một chiếc thuyền máy chạy qua, mang theo những tiếng nổ lộp bộp, và bóng cây dừa cùng bóng khóm mầu đơn trông dưới sân khẽ lay động chập chờn. Phượng còn nghe thấy tiếng một chiếc xe thổ mộ chạy trên con đường nhựa ven sông, vó ngựa đập trên mặt đường rắn lốc cốc.

Bác sĩ nói với con gái về cái chết của ông bằng một giọng bình thản. Đối với Phượng cái gì liên quan tới cha nàng đều cũng có vẻ lạnh lùng. Hình như từ ngày mẹ nàng bỏ đi, bà đã làm tắt luôn cái bóng của ông, ông đi làm sụm hẳn

xuống, từ lúc đó, và quanh ông đã thật sự trở thành trống trải. Bác sĩ nói:

– Có thể ba nhầm. Nhưng ba cũng nói cho con biết. Bởi vì điều quan trọng không phải là ba sẽ mất. Nhưng là rồi đây, con sẽ phải tự lo liệu lấy tương lai một mình. Ba không có nhiều tiền để lại cho con. Chỉ có căn nhà nhỏ này và một chút ít tiền ngân hàng.

Phượng đã quen với tính lạnh lùng của cha, nhưng lần này, trong giọng nói của ông dường sao cũng không giấu được một chút cố gắng và vì trời quá tối nên ông đã không thể nhận thấy gương mặt xanh nhợt và đôi tay run rẩy của con gái.

Khi bác sĩ đứng dậy trở về phòng, ông muốn lại gần đặt tay lên vai con, nhưng không quen với lối bày tỏ tình cảm thân

mật với con, ông lại chỉ mỉm cười nhìn Phượng, rồi chậm chạp bước đi.

Lúc Phượng nhìn thấy ánh đèn trong phòng được thắp lên chiếu qua cửa sổ, nàng mới biết mình đã khóc và nhận ra nàng đã bị xâm chiếm bởi một nỗi bàng hoàng lo sợ. Nàng thấy thương cha đã phải sống trong sự cô đơn và trách mẹ đã bỏ cha con nàng trong tình cảnh này.

Ngày mai, nếu cha tôi chết, tôi sẽ sống ra sao? Đó là câu hỏi vừa nghĩ, Phượng vừa thấy tim mình thắt lại trong ngực.

* * *

Phượng đi ra phía ngoại ô, băng qua một khu vườn trồng cây ăn trái, cỏ hoang

mọc đầy, rẽ những đám lau và những dây hoa dại, tới một phiến đá sát bờ sông ngồi xuống. Buổi chiều, mặt sông nước đầy, như căng lên ở giữa và đồ dòn nước về hai phía bờ.

Phượng bút những bông hoa vàng, vút xuống mặt nước, những bông hoa cuốn theo dòng nước chảy loanh quanh trong đám cỏ bờ lan ra tận mép sông trước khi trôi đi mất tích. Một con chim cút trong đám cỏ khô vụt vỗ cánh bay lên làm Phượng giật nảy mình. Cả con sông dài trong một phút đỏ hồng trong ánh hoàng hôn, Phượng cảm thấy đời cha con nàng cũng giống như dòng nước chảy âm thầm kia đang dần dần chìm lặn vào đêm tối sắp buông xuống.

Mặc dầu định ra đây để suy nghĩ nhưng Phượng chỉ thấy đầu óc trống

không. Một lát sau thì đám côn trùng và những tràng súng bên kia sông đã khuấy động tất cả sự yên tĩnh.

Phượng đành đứng dậy ra về. Phượng tự nhủ, cái thành phố nhỏ này không giúp cho người ta suy nghĩ tốt. Đó cũng là điều nàng nhận thấy từ lâu. “Thôi cũng đành, được đến đâu hay đến đó vậy”, Phượng vừa đi vừa thầm nhủ.

Lúc Phượng về đến nhà thì cha nàng cũng đã vào phòng riêng và bỏ bữa cơm chiều. Phượng cũng ăn uống qua loa rồi xuống vườn đi dạo một vòng. Ngửa mặt nhìn trời cao, Phượng thấy lòng nức nở muốn khóc. Chưa bao giờ nàng thấy mình cô đơn đến thế. Bóng cha nàng ngồi im lặng sau cửa sổ. Giữa cha con nàng có quá nhiều yên lặng. Trước giờ đi ngủ, vào phòng bỏ màn cho cha xong,

phải cố gắng lắm, Phượng mới dám hỏi cha:

– Ba, điều ba nói với con hôm qua...?

Lúc đó, bác sĩ đứng bên cửa sổ đang nhìn xuống vườn. Đêm đã khuya, bốn bề im vắng. Không đợi cha trả lời câu nói vừa rồi của mình, Phượng lại buột miệng nói tiếp:

– Ba nghĩ liệu rồi đây có yên không hả ba?

Bác sĩ muốn an ủi con gái, nhưng đã từ lâu ông không thể tìm thấy được ngay những chữ ông muốn, ông lúng túng một tí rồi ngồi xuống chiếc ghế nhìn con, phác tay làm một cử chỉ bâng quơ vừa tìm lời để nói:

– Thực sự ba cũng không biết được điều gì nhiều lắm. Chúng ta có quá nhiều những người tài giỏi... nên những người như ba... dù đã sống bao nhiêu lâu... và nhìn thấy nhiều điều... nhưng vẫn có nhiều cái ba không hiểu được.

Ông muốn nói thêm cho con gái hay về những điều khá chua chát trong lòng ông, nhưng ông lại cảm thấy lười biếng không muốn tìm thêm lời nữa, vả lại cũng chẳng có ích gì, ông nghĩ, và ông tự nhủ thầm: “Cũng chỉ vì ta chậm chạp nên nàng đã bỏ đi.”

Ông lập cập mở các ngăn kéo tìm kiếm điều thuốc, bật quẹt châm hút, thở khói ra hai mũi, hơi khói lọt qua kẽ một chiếc răng cửa đã rụng. Bác sĩ kẹp điều thuốc giữa hai ngón tay. Phượng nhìn theo đốm lửa đỏ run rẩy trên tay cha,

ông cúi xuống ngó hai bàn tay mình như hai tay của một người xa lạ nào.

Trong những giờ phút cuối cùng (thật thế không ba?), Phượng muốn được nghe cha nói bất cứ điều gì, nhưng nàng không dám mở miệng cũng không dám cử động sợ làm vỡ cơn mơ tưởng của ông mà nàng biết, (sau bao nhiêu năm sống âm thầm như cái bóng cạnh cha), đó là những phút ông đang nghĩ tới mẹ nàng, người mẹ Phượng đã quên cả mặt, nhưng đối với cha nàng lúc nào cũng còn quanh quất đâu đây.

Phượng rất giống mẹ. Bác sĩ cứ nhầm lẫn mãi hai mẹ con, nhất là từ ngày Phượng bắt đầu lớn. Có những buổi chiều, sau khi làm việc mệt nhọc ở bệnh viện về, ông có thói quen vào

phòng riêng ngồi yên lặng trên chiếc ghế bành quên cả đêm xuống.

Lúc Phượng vào mời ông ra ăn cơm, nghe tiếng chân con và tiếng quần áo sột soạt của nàng, ông đã ngồi nhồm hằn dậy hỏi to: “Ai đấy”, và nhìn thẳng vào mặt nàng, giọng ông nghe hốt hoảng. Phượng biết ông đã tưởng nàng là mẹ nàng, sau khi biết mình nhầm lẫn, ông có vẻ ngượng ngịu lúng túng, Phượng phải lập lại hai ba lần tiếng: “Con đây, con đây”, và mời ông ra dùng bữa. Những bữa cơm sau đó, ông ăn uống âm thầm cốt cho xong bữa và tránh không gặp mặt con.

Trông đáng điệu cho những lần như thế, Phượng muốn bật khóc ngay đó, nhưng nàng cũng cố nén cơn khóc

xuống, để dành đến tối khóc thỏa thích trong phòng riêng.

Bữa nay, nghe con hỏi về một ngày bình yên có thể có nay mai không, vị bác sĩ già mới chợt thấy thương con xót xa, ông không ngờ mình đã nặng tình với người đàn bà của đời mình đến thế, ông muốn cầm lấy hai tay con và xin lỗi, nhưng ông không dám, ông đã bỏ quên con quá lâu, dù hàng ngày cha con vẫn sống chung một nhà.

Lúc nào ta cũng chậm chạp và vụng về, ông nghĩ, ý con ta sẽ gặp khó khăn thực đấy. Càng thương con, ông càng cảm thấy giận người đàn bà nông nổi: “Nàng đã giết con nàng bằng nhiều cách. Ta cũng giết con ta bằng nhiều cách khác.”

Lâu không thấy cha nói gì, Phượng đành phải lên tiếng hỏi:

– Ba có cần gì nữa không, con đi lấy cho ba.

Tiếng nói của Phượng làm bác sĩ giật mình. Ông quay lại nhìn con và bảo:

– Thôi, ba không cần gì nữa. Con về phòng ngủ đi.

Phượng ra khỏi phòng rồi, ông cũng không biết chắc có phải con gái ông khóc không, bởi hình như ông thấy mắt con lóng lánh nước mắt. Nhưng ông cũng không chắc lắm vì mắt ông lúc ấy hơi bị hoa.

Tự nhiên một cơn đau làm ông phải gập mình xuống chịu. Bệnh ung thư dạ

dày của ông đã tấn công ông mạnh hơn là ông tưởng. Mồ hôi vã ra trên trán, vị bác sĩ khuyu hẳn xuống chiếc ghế ông đang ngồi. Sau cơn đau này, có lẽ ta sẽ chết mất, ông nghĩ. Phải chờ cho cơn đau dịu xuống, ông mới lần được ra tủ thuốc lấy thuốc uống.

Ông trở lại ghế bành lấy đồ dùng tự nghe mạch mình. Sau khi biết chắc kết quả, ông thu xếp đồ đạc cẩn thận, rồi mở cửa phòng, vịn tay vào vách tường lần sang phòng con gái. Ngần ngại một chút, ông giơ tay lên gõ cửa:

– Phượng còn thức không con?

Nghe tiếng cha, Phượng đang khóc, vội thấm hết nước mắt, chạy ra mở cửa. Nhìn mặt con, bác sĩ biết là Phượng vừa khóc.

Nhưng ông tảng lờ như không biết. Ông cố lấy vẻ bình thường trong khi cơn đau trong bụng lại muốn quặn lên. Ông nói:

– Ba muốn vào phòng xem con ăn ở thế nào một lần. Con có bận gì không?

Phượng nhìn thấy mặt cha tái nhợt, nàng vội mở rộng cánh cửa cho cha vào, và bắc ghế cho ông ngồi. Bác sĩ ngồi xuống ghế mỉm cười. Cơn đau quặn lên, “Hãy gượng, bay đừng hạ ta vội”, bác sĩ vừa nghĩ thầm và tưởng tượng ra chiếc dạ dày của mình trên tấm kính rọi, và ông quên hẳn không biết mình định đến để nói với con điều gì nữa. Ông đưa mắt nhìn quanh căn phòng một lượt, bảo:

– Ừ, con xếp đặt chỗ ở cũng gọn gàng đấy. Con có thiếu gì không?

Phượng linh cảm sắp có chuyện gì đây. Nàng chăm chú nhìn cha, đáp:

– Thưa ba không. Con cũng chẳng muốn bày thêm cái gì nữa cho chật phòng.

Bác sĩ nắc lên một tiếng, ông nuốt cái hơi nghẹn đang chắn ngang cổ xuống, nói:

– Lúc này con có hỏi ba một điều ba không trả lời con được.

Cái hơi nghẹn lại ứ lên chặn ngang cổ ông. Trong một phút không ngờ nhất, tự nhiên ông khám phá ra đời sống, giữa hai cha con ông có một cái gì không ổn thỏa, có một cái gì không thật như thế.

Việc bỏ đi của người đàn bà đã làm

cho suốt quãng đời còn lại của ông thành lơ lửng giữa sự thật và cõi mơ, chính ông, ông đã không muốn làm mọi sự sáng tỏ hẳn ra, vì ông biết là ông đã tuyệt vọng, ông quá yêu người đàn bà, ông biết nàng đã đi thật, ông cố nuôi dài cơn ảo tưởng đó để nó nổi lên ông với nàng, cơn mơ ấy đã kéo dài mười mấy năm, đã quá mỏng không còn buộc giữ được gì nữa, chỉ cần một hơi thở nhẹ của sự thật đủ làm vỡ tan tất cả. Ông đã kéo theo con ông vào cái giấc mơ tiêu tụy đó. Ông đã đi vào quá xa và không còn đủ thì giờ trở lại nữa. Ông nói tiếp:

– Đời sống đôi khi giống như con chó đã gặm của ta cả hai chân nhưng vẫn còn muốn ta tiếp tục đi thêm một lần nữa. Vị bác sĩ lại cảm thấy khá chua chát vì lời nói cục cằn của mình. Ông nắc thêm một tiếng nữa và bây giờ thì cái hơi

chặn ở cổ nó nặng như một hòn đá, ông không làm sao nuốt được nó xuống nữa.

Ông ngoẹo đầu xuống thành ghế. Ông nghe tiếng con gái thét lên gọi ông và chạy lại ôm lấy ông. Chiếc ghế lật ngửa xuống thành giường. Vị bác sĩ già thấy mình được gối đầu lên chiếc nệm êm ái đầy ắp một mùi hương quen thuộc và một khuôn mặt thân yêu.

Ông muốn giơ tay lên làm một cử chỉ gì đó, nhưng đôi tay của ông không còn thuộc về ông nữa. Đôi tay ông đã dùng để giúp bao nhiêu người thoát khỏi tử thần bây giờ lại chẳng giúp được gì cho ông cả. Chúng trôi lênh bênh trong một biển sương mù. Và dầu bác sĩ đã cố gắng nhưng chúng cũng không nắm lại được với nhau nữa.

TIẾNG CÒI TRONG KẼ ĐÁ

Nguyễn Thị Hoàng

Ban đầu, nó vẫn tưởng đó chỉ là tiếng kêu thảm thiết trong chiêm bao. Nhưng không phải, đúng là tiếng của con Bạch tru lên từng cơn, tắc nghẹn rồi lại tru lên từng cơn nữa, thôi thúc liên hồi, và một lúc sau tiếng tru dài biến thành ằng ặc, tắc nghẹn và im bật.

Nó tung mình ra khỏi tấm bao lác

và ngồi dậy, muốn chạy về phía đầm rau, nhưng hai chân bỗng ríu chặt xuống mặt đất và nó khoanh hai tay dài nghêu quanh gối, đầu gục xuống, chờ một tiếng tru cuối cùng của con Bạch. Nhưng tiếng tru đầu tiên đã là tiếng tru cuối cùng. Không còn lời nào nhả nhủ hay gọi kêu cấp cứu với nó nữa, dây liên lạc cuối cùng đã đứt lìa, và nó ngồi im, nghe từng mũi dao nhọn và sắc của cơn gió lạnh cũng đang lóc từng mảng da, từng thớ thịt, như bên ngoài người ta đang rẻo thịt lóc da con Bạch.

Nhưng rồi nó vẫn chờ, khắc khoải, chờ đến nỗi còn nghe được văng vẳng trong nỗi nhớ xoắn xít từng cơn tiếng kêu lan dài như không bao giờ dứt của con chó bạn đường suốt những ngày long đong vừa qua. Tiếng kêu rít lên, rưng rức như cổ gượng cần nghiêng một lưỡi dao

đã cắm sâu vào cuống họng giữa hai hàm răng day nghiêng cắm hờn.

Nó nghe đau ở cổ và đưa tay sờ. Một cục hạch bằng trái cau non phồng lên phía dưới cần cổ. Nó nuốt nước miếng, cảm giác đau đớn, tròn và cứng như viên bi chẹn ngang cổ và ý nghĩ đầu tiên bỗng bay vút đến như một cánh dơi đen trong trí hoàng hôn chập choạng là không thể hát cái bài hát đã luyện hàng tháng nay vào ngày lễ đêm mai ở đình chợ.

Một lúc, nó hoảng hốt quất quay nhận ra mình mất đi một lúc quá nhiều thứ, con Bạch thân yêu, và tiếng hát đã có được bằng những trận đòn roi quắn da, những bữa nhịn cơm nguội bới trong mo cau, những nước mắt và hình phạt của lão già trong những giờ tập dượt. Con Bạch thật dễ chết rồi sao. Tại sao nó

có thể chết chỉ vì tính tin dị đoan bậy bạ của lão già. Đã nhiều lần lão bắt gặp con Bạch đứng thẳng bằng hai chân sau, hai chân trước chơi với đũa lên trời, ngựa cổ tru dài dưới ánh trăng.

Lão nói chó trắng, lại mồm hồng khi nào biết đứng hai chân và tru dài dưới ánh trăng là đã thành tinh. Chó thành tinh là một đại họa cho trong nhà, huống hồ đối với lão, một gánh hát rong, diễn viên chỉ gồm có chính lão, đứa con gái nhỏ, con Bạch bạc mệnh và một con khỉ. Thế cho nên lão đã nhất quyết trừ khử con Bạch, và bằng cách đổi con Bạch lấy tấm trướng thêu chữ kim tuyến màu sắc sặc sỡ của người bán phở xào, để lão nói thật mãn nguyện, may cho nó một chiếc áo mới mặc khi trình diễn.

Ngồi một lúc, nó nghe như các hạch

ở cổ trời lên trụt xuống khoảng giữa cầm đến vai gầy nhom, nhô cái xương đòn gánh vắt ngang của mình, rồi nước mắt lã chã tuôn xuống nhỏ giọt trên mặt đất đóng rêu xanh. Không phải lão già, mà chính nó đã giết con Bạch.

Chính nó đã luyện tập cho con Bạch những lúc lão đi xa với con khỉ vắt trên vai cái trò đứng bằng hai chân sau chứ không phải chính nó trở thành tinh. Nó tập cho con Bạch hát, trong những lúc lão già đi vắng, và nó cũng hát mà không cần phải theo đúng một âm luật hay lời lẽ nào cả, thích gì thì hát đó, vang lừng, say mê giữa cánh đồng hoang hay ven một khu rừng vắng hoe không bóng người lai vãng. Nó không chịu nói ra điều đó, và để yên cho lão già tưởng con Bạch đã thành tinh, đổi tấm trướng cho người ta làm thịt.

Nó không có gì và không biết gì về mình ngoài cái tên lão già vẫn gọi hàng ngày. Sao. Sao có nghĩa là gì. Hỏi, ông lão chỉ lên trời và yên lặng. Nhưng trong những lần trình diễn thì lão già xưng tên khác, Sao Băng. Cái tên làm cho nhiều bà già trong chợ nghe thấy quay lưng nguýt vẫn nguýt dài. Nó lại hỏi, ông già gắt đến rung cả chòm râu bạc cứng như chổi rành, mày không biết vì sao, ngu quá, vì Sao Băng là điềm xấu, điềm gở, báo hiệu một tai ương, một biến động lớn. Nó cố hỏi, thế sao ông lại đặt tên ấy cho con. Lão già bóp chặt hai vai gầy nhách của Sao và nghiêng răng trợn mắt, vì, vì mày sẽ là tai ương của tao, hiểu chưa đồ chó đại.

Có lúc, sau khi kiếm được nhiều tiền và được khen thưởng lão già thường hứng chí đùa nghịch với con khỉ, và gọi

Sao lại gần, bắt nó nhấp một tí rượu trắng, thứ nước quý hơn vàng lá sắc của lão đựng trong trái bầu eo, và khoan hòa giảng cho nó về tên Sao. Sao, là một hành tinh trên trời, như mày thấy ban đêm đó, cũng là tiếng đầu tiên hay cuối cùng của một câu hỏi, như tao hỏi, sao mày ngu như vậy, sao mày xấu xí dị kỳ như vậy được, hay mày không biết mày ngu sao, không biết mày xấu xí dị kỳ sao.

Đại khái, những lời giải thích cũng là những ví dụ để dạy nghiêng chửi rửa hay nhieếc móc. Nhưng Sao hân hoan thích thú vô cùng. Đối với một con vật, thì sự chửi rửa cay độc tận cùng cũng chẳng có nghĩa gì so sánh với những cực hình tàn bạo, những đánh đập liên miên. Cho nên Sao sung sướng mỗi khi được lão vui cười, hả hê chửi rửa mình. Lão quen chửi như quen nói lảm nhảm một mình,

không chửi Sao buồn và không nói lão buồn.

Khô nước mắt, Sao dở mảnh mảnh che cửa lều nhìn ra. Thời tiết đã đổi thay và mặt trời sáng nay không thức dậy nữa. Trước lều, con đường vắng hoe lúa thừa hai hàng dương liễu trụi một đôi cánh lá úa vàng dưới vòm trời mờ đục như giăng sương, và bên kia xa tít gần phía chân núi xanh, những thửa ruộng hoang qua mùa gặt từ bao giờ loáng loáng vài mảnh nước trông ử ả như những mảnh gương vỡ mờ thủy.

Sao nhìn về phía giếng làng. Mọi khi Bạch vẫn ngoe nguẩy đuôi ra liếm nước đổ xung quanh thành giếng tô xi măng láng bóng đó. Bây giờ Bạch đi đâu không bao giờ về uống nước, và những người thùng gióng chen chúc mức nước cũng

đã trốn đâu hết mất tăm, như tất cả đã từ trời sa xuống, những ngày hạn hán hanh hao, và bây giờ mùa hè đã khuất, hơi thu vừa tới, họ cũng rủ nhau về ngủ im lìm suốt một năm dài trong màn trời xám đục đều hiu hia, bỏ lại Sao có một mình trên quãng đường quen thuộc vẫn dừng chân giữa hai chuyến đi bồng bênh bất định.

Sao sợ màu trời đỏ, cái màu xám nhạt giăng giăng những sợi mưa thừa lơ mờ, đem buốt giá tới trong tủy xương và những rùng mình thoi thóp ở trong lòng. Nó xòe hai bàn tay lên soi. Những ngón dài cũng gầy guộc thê lương và héo úa như những tàn dương liễu lơ thơ đó. Tất cả xung quanh và ở chính nó đều hoang vắng và cô cút. Cây xanh rườm rà bên kia giếng nước, những ngày nắng lớn vẫn là bóng im cho những người xa lạ

cưỡi ngựa dừng chân để lại trong ý nghĩ ngẩn ngơ nó nổi bụi ngùi muốn vút bay theo.

Bây giờ thì không còn gì hết. Và lão già đi kiểm thức ăn tận chợ làng từ sáng sớm vẫn chưa về tới. Tại sao lão không cho nó đi. Lão chỉ gắt, cút cái mặt mày đi con ơi, tụi Tây đi lòng thấy được mày là rồi đời. Nó không hiểu gì câu đố, hay chỉ hiểu lơ mờ rằng, nếu tụi Tây nào đó trông thấy khuôn mặt ngẩn ngơ dần dần của nó cũng chỉ đánh nó như ông lão đã đánh nó là cùng. Không thể có những trận đòn nào hơn trận đòn của ông lão.

Trận đòn làm cho nó thường chết dí đi một nơi trong góc lều tối, đến ba bốn hôm sau mới tỉnh, và mỗi khi tỉnh lại, nó vẫn sung sướng tràn trề thấy mình còn được sống và mọi sự việc đều tiếp tục

trôi chảy bình thường như cũ, đến nỗi chính nó nhiều lúc cảm thấy trận đòn và cơn đau làm cho nó thích những ngày lang thang, con đường, những bữa lạnh và đói, nghĩa là tất cả những gì nó phải chịu đựng, không phản kháng và thay đổi.

Sao sực nhớ ra và rướn người ngồi xôm trên mặt đất rêu lần tay vào túi trong kiểm chiếc tù và. Nó lôi ra một ống bằng trúc, hay một thứ gỗ gì có vân nâu lóng lánh, như một búp măng non thu nhỏ bằng ngón tay cái. Chùm tua chỉ ngũ sắc buộc túm vào sợi cước mảnh mai xuyên qua cái lỗ nhỏ xíu khoan ngang vào đầu tù và. Sao vuốt ve chiếc tù và lóng lánh, nhìn quanh quất nghe ngóng một lúc và mỉm cười kê chiếc tù và lên miệng thổi.

Tất cả những dây lều những cọc gỗ đều đứt tung ra khi lão điên cuồng chạy ngược chạy xuôi quất túi bụi vào người Sao những loạt roi gân xoắn xít. Cuối cùng, khi những vương vít của cái lều đã rạp hẳn xuống trên đất, và lão đứng chênh vênh trong cơn mưa bay, Sao đã nằm rũ liệt dưới đất ẩm, không còn nhúc nhích.

Nhưng trận đòn chưa xong. Lão xốc nó lên, kéo lại gần gốc cây dương liễu gần nhất, buộc dán người nó vào thân cây bằng một sợi dây da và chiếc roi gân lại tiếp tục vang lên rít xuống cũng nhịp nhàng và đay nghiến như những lời rửa nguyên của lão. Có phải tao không nói trước đâu.

Vậy chính mày muốn chết. Mày chịu tao làm đau vì chính mày làm tao đau. Tao cũng đau và tao đau hơn mày, nhưng mày ngu nên không biết gì hết. Ngọn roi tao quất mày, nhưng cái tiếng tù và máy thổi lại quất lên tao. Mày muốn tao chết, tao cũng cho mày chết, tao đã dặn rồi, không bao giờ được thổi cái tù và đó, dù chỉ tu lên một tiếng.

Tao giao cho mày cất giữ, là vì không ai có thể cất giữ nó giùm cho tao ngoài mày. Tao thì lại không muốn để nó trong mình, không có can đảm để trong mình tao, nghe chưa. Mày làm gì cũng được, tao đã bảo, ngắm nghía, vuốt ve, nhưng không được thổi, nhất định không được thổi. Sao à gì cũng hỏi tại sao tại sao, thì vì thổi nó sẽ bật lên tiếng, và cái chiếc tù và cũng quất lên da tao như cái roi quất lên da mày này này.

Và lão lại quất liên tiếp vào những mảng quần áo đã tả tơi rách bươm như xác bướm nát của Sao.

Mười ngày nửa tháng gì đó không biết đã qua đi dưới vòm trời rét cắt da và mưa làm thêm không ngừng giăng màn xám ngoét cho con đường đi lại vắng hoe không một người nào vãng lai, nó nằm chết ngất trên tấm vải bố, dưới gốc cây trống trơn, với những thứ lá nhừa nhựa nát ngườu trám kín vết thương khắp mình mẩy.

Ngày lại lần nữa, mà tưởng như không bao giờ nữa, thấp lên thứ ánh sáng nhờ nhờ trắng đục của mưa bay và Sao thức dậy, chiếc tù và cồm cộm trong túi áo như một thứ bùa hộ mạng đón đau oan nghiệt, và lão già khuất bóng đâu rồi. Không mặt trời lên, Sao không biết

đã trưa hay còn sớm, nhưng giấc ngủ còn cài trên mắt, nó thăm nghĩ, nó thăm nghĩ theo cách nó thích, bây giờ còn sớm và lão già vừa ra đi, nghĩa là còn lâu, mãi đến trưa hay tối mới trở về.

Sao lần túi lấy tù và ra, lần này thì nó mỉm cười, thật dịu dàng, như với một đứa em cưng quý. Nó đưa tù và lên miệng ngậm, buông ra, và nằm nghiêng người, khoanh hai tay dưới đùi tìm chút hơi ấm cho những ngón nhỏ khảnh khiu, và khoanh tròn toàn thân như một con tôm, nó mông lung nhắm mắt nằm nhớ tiếng tù và hôm nào đã thổi.

Những tiếng rúc ngắn và gọn, hỗn hển, tới tấp, như hơi thở của người đàn bà miền núi đang rì hai đầu gối bằng mau lên một sườn đồi cao để sà vào hai cánh tay đón chờ trên ấy, tiếng rúc dài

và vang xa, lấy từng nhịp rung động thật nhẹ, tiếng gọi thê thảm và tuyệt vọng từ miền núi sâu xuống đồng bằng xa vời, mong chờ một bóng dáng trở về trong chập chùng ngàn xanh, tiếng chim trầm và dịu như một hỏi han thân mật, một vuốt ve khơi dậy tất cả hương hơi nồng nàn của một sinh vật sống gần, tiếng vút cao thời bay niềm vui menh mang lên khoảng trời mây giăng ngợp núi.

Nó chỉ nghe và biết có chùng đó, nhưng thật quá nhiều, những cánh cửa đóng kín im lìm trong trí não tối tăm cũng đủ mở ra, rõ và chậm đến nỗi nó nghe thấy tiếng xê dịch của thời gian và ánh sáng, bóng tối. Và cùng một lúc với những cánh cửa dịu dàng thăm thăm mở ra, nó nhìn thấy mình, thân thể trắng trẻo và mảnh dẻ, hai chân dài và những nét gân loáng thoáng xanh, gò má mịn

và ấm như đất buổi mai dưới chân đi, và những sóng tóc mềm như cỏ cú dài mượt xanh trong góc vườn tối.

Tất cả, bên trong và bên ngoài nó như đều khác hẳn đi, trong chớp mắt, khi tiếng tù và ngừng bật, và khi, nơi xa xăm làng mạc nào đó, nó bỗng nghe, lần đầu tiên như sau những năm điếc và câm, tiếng lao xao của một chợ đời vui hóp, tiếng những người bán mua trao đổi, tiếng rao hàng lĩnh lót của lũ trẻ con, tiếng chiếc điều giấy vút lên một tầng trời nào không mưa bay và gió lạnh, tiếng của một người cười reo thích thú, như vừa tìm thấy kho tàng vô giá, hay bắt gặp lại một báu vật đánh mất bao lâu, và cũng từ xa xăm, trên quãng đường lừa thừa dương liễu úa tàn, nó nghe thấy, với ước mong và sợ hãi, với tin tưởng và thất vọng vô cùng, tiếng chân nặng nề lê lết

của lão già trở về, gần lại, gần mãi lại cho đến khi bước chân lão nhập vào trong tiếng kêu vun vút của con roi da.

Nhưng lần này Sao không cảm thấy đau. Nó tê điếng. Không hiểu với nỗi say sưa mới mẻ tìm thấy, với những cơn đau cũ đã liệt tê cảm giác, hay với cả hai thứ đó hòa tan cùng một lúc. Nó mãn nguyện, yên tâm rũ xuống trong cực hình.

Nó chết không cô đơn, bởi không hát được với cực hạnh vẫn sừng sững nơi cổ, nhưng trong tiếng tù và, nó cũng nghe văng vẳng lại tiếng hát mình xưa, và Bạch thì đã hóa kiếp rồi, nhưng trong tiếng tù và yêu dấu, nó vẫn còn nhìn thấy loáng thoáng cái bóng trắng mềm mại của Bạch cúi xuống rãnh nước trong veo bên bờ giếng, cái bóng khi tỏ khi mờ, tiếng hát khi trầm khi bổng, nhưng luôn luôn

còn đó, không mở không tắt trong tâm tưởng chỉ mình nó thấy, chỉ mình nó nghe, bởi chỉ mình nó thổi tiếng tù và.

Sao tung cái bao lác đập ngời bật dậy. Nó lại nhìn quanh bốn phía. Con đường thăm thẳm. Sau cây xanh, một chòi bỏ hoang cạnh con bù nhìn đã nằm thảng xác xơ. Trong khung cảnh lam nham tàn lụi đó, Sao bỗng nhìn thấy những hàng đá tím ngồn ngang trên một cửa hầm nhỏ bỏ hoang.

Nó cầm chắc cái tù và trong tay, vươn thẳng người, toét miệng cười và chạy một mạch về phía đồng đá tím. Cửa hầm nhỏ và tối, chỉ vừa đủ cho một người chui xuống, thứ hầm kín để trốn Tây đi lùng.

Nhưng tất cả không phải như nó tưởng khi nhìn từ đằng xa. Bởi miệng hầm là một cái cửa bầy với những hàng đá tím xếp dọc trên một miếng gỗ dày, chắc, thông xuống hầm một sợi xích sắt, và chỉ cần đủ sức mạnh để kéo sợi dây khi đã xuống hầm, cái búng gỗ bên trên đầy đá tím sẽ bít kín đường lên, kéo theo những tấm phen mục, những rác rưởi lòng thông, và người đi bên trên, nếu vội vàng thì thấy đó là một bãi rác, đất đá ngổn ngang.

Sao tụt xuống miệng hầm. Nước bùn lồm bồm dưới hai bàn chân lạnh ngắt. Khoang hầm cao vừa ngang đầu nó, và chỉ với tay là chạm phải vách đất bên trong. Nó cầm mút dây sắt, rướn người kéo thử, cái búng lúc đầu nặng như cả một mái nhà bằng sắt, nhưng một khớp đất cũ nào đó vỡ ra, tấm gỗ dịch đi, và nó

nghe, như tiếng reo vui xôn xao, những viên đá lăn rào rào qua mặt búng gỗ, rồi với đà tay kéo của Sao mỗi lúc một mạnh, khoảng trời trắng đục bên trên thu hẹp dần dần theo miệng hầm, và cuối cùng cái khe ánh sáng nhỏ bằng sợi chỉ cũng cắt đứt trong cảm giác những đất bụi và đá vụn dội lên đầu một nỗi dễ dàng yên ổn.

Nó chợt nghĩ đến ông lão, đèn tiếng chân lão chênh choáng trên đường về, không, lão không biết mình ở đây đâu, và nếu biết, hoặc tìm thấy thì mọi chuyện cũng đã xong, đã xong hết rồi.

Sao ngồi bệt xuống nền hầm lổm bổm nước, duỗi hai chân, tựa lưng áo rách vào vách đất trơn nhớt lồm ngồm những thú trùn đất bò âm thầm trong tối tăm, nâng cái tù và lên môi, rúc lên

một hồi và dừng lại nghe ngóng. Không, không có gì, không có ai đây cả. Chỉ bóng con Bạch vẫn hiện về trong vùng tối của hai mắt Sao nhắm nghiền. Chỉ tiếng hát nó cao vút một ngày nắng hạ ở đình làng đông nghẹt người nghe và tiếng vỗ tay rào rào như lúa rơi trên nông.

Chỉ cảm giác đau nghẹn bùng bùng ở cổ, cục hạch đã trướng to lên, và nó nhớ loáng thoáng lão già có lần nói trong lúc nó nằm rũ chết dưới gốc dương liễu, khổ rồi con ơi, không chừng mày mắc bệnh yết hầu, hay gì đi nữa thì cũng không bao giờ còn hát được.

Nó đã khóc tức tưởi vì tiếc vì sợ khi nghe lão nói. Bây giờ thì thôi, không còn tiếc không còn sợ gì nữa. Con Bạch mất rồi, tiếng hát mất rồi, sợi ánh sáng cuối cùng của vòm trời ngó xuống cũng đã

đứt rồi, nhưng bây giờ chiếc tù và ập ụp trên môi, nó đã mở bung tất cả cánh cửa ngu dốt ra, cho âm thanh bay tạt vào hồn như một luồng gió ấm và nó sẽ thổi, sẽ bình an, điên cuồng mà thổi.

* * *

Nơi đầu tiên lão nhìn xuống là cái giếng. Đáy nước đen ngòm phẳng lặng không một trả lời. Rồi là những chòm xóm quanh vùng lân cận. Rồi những bụi cỏ bờ cây, những chòi hoang và hốc ruộng gần nơi lều cũ. Vắng hoe tăm tích. Cái roi da vung lên vun vút, lão nghĩ sắp chop được con bé quất cho một trận, một trận cuối cùng đến đứt hơi thở thì thôi, còn hơn là để lão khổ thân khắp thành đi tìm, sau hai ngày lết lê kiếm ăn không được một vắt cơm đỏ.

Nhưng chỉ có lão là gần đứt hơi. Lão ngồi khoanh tay trên một mớ rơm ướt, và bắt đầu cảm thấy vắng lặng, không phải cơn mưa lâm thâm, không phải những hơi gió rít làm lão rùng rùng hai vai mà sự vắng lặng. Và, lần đầu tiên, lão nghe, vì vút trong còi âm u nào xa tít, chính tiếng lão kêu lên thâm lặng, Sao ơi, con đâu rồi.

Lão bỗng nghe. Không, không có tiếng gì trong vắng lặng này, nhưng lão nghe rõ tiếng tù và rúc lên. Rúc lên từ một triền núi tịch liêu ba bốn mươi năm gì về trước. Và như một vầng nắng quái lộng lẫy chiều hôm sắp tắt, lão bỗng thấy lại hình bóng Sao, không phải con bé, mà người vợ Mọi của lão, trong cơn đau lão đảo ra đứng chờ chồng về đầu non, những tua khăn màu sắc sỡ, những chùm chuỗi hạt lung linh, cái vòng bạc

leng keng ở cổ chân mọc mọc núi rừng.

Và tiếng tù và rúc lên từng cơn thảm thiết trên cặp môi bạc nhược bệnh tình. Vợ lão đau, và chết, vì lão thì quá hung bạo, dã man, mà vợ lão không muốn dứt tình, vẫn quay quắt chờ đợi mỗi lần lão bỏ về kinh, và vẫn chiều chuộng dịu dàng mỗi lúc lão về, dang tay đánh đập vì những cộc cằn vô cớ. Sao chết rồi, lão mới thương, và đời sống lão cũng đã chết theo.

Lão đi vợ vút mười năm hai mươi ba mươi năm với niềm hối hận đọa đày. Lão nhạt được con bé ở một làng quê giặc giã đi qua, mồ côi và đói khát. Nước da và con mắt nó cũng nồng nàn, cũng vời vời như Sao. Lão gọi nó là Sao, tức tối và đau xót. Lão mong nó lớn, nhưng nó hình như mắc bệnh còi và chẳng bao giờ lớn

lên, cứ thế, trong lúc lão mong nhìn thấy ở nó hình ảnh của một Sao ngày cũ. Thất vọng, lão trút lên đầu nó, vẫn bao nhiêu hung bạo và dã man đã giết đi đời sống ngày xưa.

Có điều lão không thể ngờ là tiếng tù và Sao bây giờ rúc lên lại là tiếng tù và của Sao núi rừng ngày trước. Lần đầu tiên nó thổi, lão tha thứ, lắng nghe, và dặn dò, lần thứ hai đánh nó đến gần chết, và lần thứ ba. Không có lần thứ ba nữa. Con đi đâu rồi, Sao ơi. Tao nhớ, tao nhớ tiếng tù và của Sao, của mây, con ơi.

Tiếng tù và nó quất tao tận tim phổi tủy xương, nhưng tiếng tù và nó làm tao nhìn lại, nghe lại hết những ngày rừng núi cũ. Nó kể cho tao nghe những ngày tháng vợ chồng, những hoàng hôn rừng sâu, những buổi sáng xuống đồng bằng,

những năm thung thẳng bay nhảy. Nó kể nhiều thứ, những thứ làm tao tiếc tao đau, nhưng bây giờ con đi đâu. Chiếc tù và con mang đi đâu, tất cả tắt hết rồi, nhòa hết rồi, hình sắc, thanh âm, tất cả rừng núi tháng ngày huyền ảo ấy. Mây mang đi đâu hết rồi con ơi.

Lão chống tay dậy. Lão đi thất thểu trên khoảng đất rêu rụng lều ngày trước, và lão nhìn thấy những viên đá tím, vẫn ở đó, bao giờ đời đời kiếp kiếp mà bây giờ mới nhận ra, như đã đui mù tâm tối.

Rồi lão tìm gặp tấm bưng gỗ, sợi dây thòng xuống hầm, những vết chân nhỏ in hình trên đất dẻo. Và lão cào mười ngón tay xuống miệng hầm, như một con chó hoang kiếm mồi cào đất...

Lão đặt xác Sao lên mớ rơm ướt, kéo những mảnh áo quần bê bết đất bùn cho ngay ngắn trên những khúc chân tay tím ngắt cong queo, và như tự rút gân ra khỏi thân thể mình, lão gỡ cái tù và lẳng lẳng ra khỏi hai hàm răng Sao trắng hếu nghiến chặt khư khư dưới cặp mắt đã đứng tròn trắng dã.

Lão quì gối xuống vũng nước ngầm Sao, xác chết của con bướm đại, và lão nạy răng xác chết đặt cái tù và vào, thổi đi con, hãy thổi nữa đi con.

GIỌT NƯỚC MẮT CHO CHÚ ĐĂNG

Nguyễn Xuân Hoàng

Xên học bắt đầu bằng những cơn nắng gắt buổi sáng và những trận mưa tầm tã buổi chiều, những trận mưa như có định kỳ với một bầu trời nặng mây hạ gần xuống đỉnh những ngọn đồi thấp khiến ngày như ngắn đi và đêm trở nên dài thêm.

Lớp học đóng kín cửa (sương mù trắng đục ở bên ngoài và khí lạnh lẫn khuất đầu đó, trong hơi gió và trong sự im trớt của không gian), đèn ở vách được thắp sáng cùng với hơi người sưởi ấm bầu khí nhỏ hẹp.

Đứng trên bục gỗ, nhìn qua cửa kính tôi có thể nhìn thấy con đường đất đỏ chìm mờ dưới một bầu trời ẩm đục, và trong trí tưởng tôi căn phòng nhỏ của tôi hiện rõ ở cuối đường. Cơn mưa bỏ lệ thường, đến hơi sớm gõ lên thêm cửa. Lớp học ồn ào khi tối trở về chỗ ngồi, và mở sổ khuyển điểm. Những con mắt ở dãy bàn sau cùng lẫn tránh, những ngum khói thuốc bay lén lút (chưa thoát ra khỏi miệng đã bị nhai nghiền nuốt ực tan biến) từ một hốc bàn.

Tôi sẽ gọi một đứa bất kỳ, một đứa nào (những tên để gọi còn lại gì nếu không là một sự may rủi?). Tôi nghe thấy tiếng xầm xì ở bàn đầu, mấy cô gái nhỏ chúi mũi trên những trang sách làm ra điều chăm chú những kỳ thực là đang thăm thì với những cô bạn bên cạnh). Tôi lướt mắt trên những con số thứ tự, những con số được ghi chú bằng một thứ dấu riêng biệt mà chỉ có tôi mới biết được đâu là con số thông minh, con số ngu dốt, con số lười biếng, con số quấy phá nhất trong lớp.

Tôi xếp sổ khuyển điểm lại (tiếng thở phào nhẹ nhõm, tôi đo lường được từng cử chỉ nhỏ của mình và thấy rõ trước phản ứng của bàn ghế). Lớp học đáng lẽ trở lại cái ồn ào của phút đầu nhưng đột nhiên bỗng im lặng một cách có hơi quá đáng làm tôi ngạc nhiên. Tôi

đứng dậy bẻ đôi viên phấn, viết tên một chương của bài học mới lên bảng đen và bắt đầu bài giảng. Hình như tôi nhắc đến Dostoievsky (Raskalnikov, Tội Ác và Hình Phạt, Ivan, Anh Em nhà Karamazov...).

Cuộc sống chỉ đến với tôi có một lần: tôi không muốn chờ đợi cho đến khi mọi người đều dễ chịu, bởi vì lúc đó tôi không còn nữa. Tôi chỉ muốn chính thân tôi được sống, nếu không, thà đừng sống còn hơn... Nếu người ta chỉ có một lần sống là vì người ta chỉ có một lần chết. Và đời sống là gì? Nếu không phải là căn bệnh khó chữa nhất trong mọi căn bệnh. Và cái chết là gì? Nếu không phải là liều thuốc duy nhất và sau cùng (và chắc chắn nhất) có thể chữa khỏi căn bệnh trầm trọng kia?

Tôi không chắc tư tưởng trên là của Heine, Henri Heine hay của một người nào khác tôi không nhớ kịp, tôi lẫn lộn lời nói của người này qua người nọ, tôi cũng không phân biệt nổi quan niệm người khác trong quan niệm tôi, và nếu không có một may mắn nào đó ngăn trở hay chặn đứng lại nửa chừng bài giảng tôi có lẽ tôi sẽ dẫn dắt lớp học đi quá xa, như chính tôi đã đi quá xa. Tôi có rất ít học trò trong đám đông phía dưới (hay tôi đã không còn người học trò nào trong đám ấy?). Cho đến khi người tùy phái bước vào.

– Xin ông ký cho thông cáo về tuần lễ kỷ luật.

– Cám ơn.

– Còn gì nữa không?

- Ông có cái điện tín.
- Điện tín? Của tôi hả?

Hắn đưa cho tôi một tờ giấy màu xanh gấp đôi.

- Xin ông ký vào sổ cho.
- Cám ơn.

Tôi ký tên và đưa trả sổ cho hắn. Điện tín? Chẳng phải là một điều kinh ngạc đối với tôi sao? Từ lâu trong nhiều năm nay, tôi đã bỏ xa thành phố của tôi (tức cười không thành phố của tôi?), lánh mặt những người quen, chặt đứt những mối dây liên hệ gia đình và bè bạn.

Tôi tự cho mình đã chết để có thể bắt đầu sống theo cách thức của mình.

Một căn phòng biệt lập, một chiếc giường, một bàn làm việc, những bữa ăn tùy hứng (cơm hay bánh mì hay phở?), những người lạ mặt (đàn ông: giao tiếp thuần túy trên phương diện nghề nghiệp, không liên kết bạn bè, không tương quan tình cảm; đàn bà: liên hệ thuần túy tình dục...) và một thành phố xa lạ hoàn toàn không quen biết.

Tôi tự ngăn cách tôi với mọi người (trong bao lâu, tôi tự hỏi và tôi sống trong sự tìm kiếm câu trả lời). Tôi biệt tích với hết thảy. Tôi biệt tích với chính cái tôi trước đây. Tôi bây giờ đã là một cái tôi khác.

Vậy thì điện tín chẳng phải là một điều đáng kinh ngạc cho tôi sao? Tôi cầm tờ giấy xanh gõ nhẹ trên mặt bàn, phỏng đoán người đã gửi tin này. Ai vậy? Còn

có một người nào khác trong đời ta nữa sao? Chỉ có Thảo thôi. Có thể là Thảo lắm (tại sao không?).

Bữa qua tôi vừa mới nhận được thư nàng (người duy nhất còn liên hệ với tôi như một nửa khác của tôi, một nửa của phần xác, nhờ đó tôi mới có lúc thấy thật rằng mình còn một thân thể). Thảo báo tin là nàng sẽ lên gặp tôi để giải quyết một điều cần lắm (chắc hẳn là như thế vì tôi vốn không ưa thư từ rắc rối, và không phải là Thảo không hiểu điều này).

Một học sinh đưa tay xin phép ra ngoài, tôi gật đầu đồng ý và chú nhỏ đây ghẽ bước ra trong tiếng chuông reo hết giờ, lớp học lao xao, những cánh cửa bị mở tung một cách tàn nhẫn và những ngọn gió lạnh ủa vào phòng sổ sàng.

Tôi một mình còn lại trong lớp học, tôi muốn nghĩ đến Thảo, mùi da thịt nàng, con mắt đậm đăng của nàng, nụ cười quá dễ thương của nàng, hai trái ngực nặng nề nhưng mát rượi của nàng, cánh tay dài mềm mượt lông tơ mà tôi vẫn gọi đùa là cánh đồng lúa của con chồn (là tôi?). Tôi nhớ đến Thảo và những rung động mà nàng đã cùng tôi chia sẻ trong một ngày mưa xa xôi nào (những căn phòng cho thuê giờ ở Chợ Lớn, những đêm quá dài và quá lạnh khi nàng lên đây thăm tôi...).

Tôi bóc bức điện tín, tháo gỡ những ràng cản giữa hai lớp giấy (Thảo thường kêu đau khi tôi đùa nghịch thân thể nàng giữa hai hàm răng tôi, nàng nói anh có hàm răng tốt, tôi trả lời là anh tặng cho em đây, tặng không, không đòi hỏi gì cả và tôi nhe răng làm bộ nhai nghiền cản

xé thích thú trên ngực nàng trong nỗi sợ sệt đầy ham muốn của chính nàng) có thể là Thảo lắm chứ? Tại sao không?

Chú Đăng đã mất.

Chỉ có thể, không có tên người gửi. Bốn chữ ngắn ngủn, trơ trẽn và kỳ quái. Tôi như một người đi trong đêm bị bước hụt chân trên những vũng nước. Trong tôi chỉ còn lại sự trống rỗng. Tôi không tưởng tượng được chú Đăng có thể chết. Cả đời chú (hồi chú còn sống chung với cha mẹ tôi) chú chỉ có thực hiện một điều duy nhất là làm thế nào để chứng tỏ rằng chú sống (theo cách của chú, dĩ nhiên), nhưng rốt cuộc rắc tâm của chú cũng đành thất bại.

Chú Đăng đã mất. Có một cái gì không ổn trong cái chết của chú (và hình

như nó cũng không ổn ngay trong lối sống của đời chú: chú đi qua cái thời bốn mươi – tết thập bát hoặc – sống một thời trác táng phong lưu lang bạt kỳ hồ, những người đàn bà – quá nhiều – trong đời chú, đi lính rồi đào ngũ, rồi trở lại quân đội (ở cái tuổi của chú?), và bị thương trong một trận đánh được coi như là dữ nhất đầu mùa mưa năm kia, nằm điều trị ở bệnh viện sáu tháng nhưng luôn vắng mặt ban đêm, được giải ngũ và trở về sống với bà cô tôi – một bà già khó tính ưa cau có quạu quọ, thích nói luật lệ và kiện cáo, ban đêm quanh quẩn trong phòng lẩm bẩm không ngớt những điều gì trong miệng – bà cô ấy dành cho chú một căn buồng với cầu thang riêng, tại đây chú dan díu với một người đàn bà khá xinh đẹp bên hàng xóm, cả hai âm mưu thủ tiêu người chồng của bà ta, nhưng việc không thành, mãi sau không

ngờ người chồng khốn khổ bị chết trong một tai nạn, người thiếu phụ gửi con cho nhà giữ trẻ trở lại tìm chú, chú nhất định từ khước cuộc sống chung và dường như sau đó không lâu người đàn bà ấy cũng tự tử chết theo cái chết của chồng.

Chú giao du với một vài người đàn ông và đàn bà khác – mà chú vẫn nói với tôi đó là những nhà văn – người đàn bà văn sĩ cao lớn ăn mặc theo kiểu con gái mới lớn ở tỉnh lẻ vẫn đến ở lại đêm với chú, những người khác thỉnh thoảng cũng tới kéo chú đi đâu đó trong thành phố rồi trở về đóng kín cửa biệt tăm, càng ngày chú càng rút vào cái vỏ đời chú, những cánh cửa tưởng như không bao giờ mở cùng với tấm bảng “Đi Vắng” luôn luôn móc phía ngoài dù trong nhà có tiếng bàn ghế khua động; càng ngày bóng tối càng bao vây đời chú, những bóng tối bí

ẩn và rồi là cái chết, bóng tối phủ xuống, bóng tối của mọi bóng tối đóng lại đời đời cánh cửa sau cùng đời chú).

Dù người gửi tin là ai, tôi thấy mình chỉ có mỗi một công việc phải làm đó là viết ngay cái đơn xin nghỉ và lấy vé xe đò trở về thành phố phía dưới.

* * *

Đến chiều tối thì tôi trở về đến nhà. Trời vẫn vũ mây đen.

Tôi bấm chuông và đứng chờ ngoài sân thềm (thềm là con đường chung của dãy nhà thấp dưới mặt đường). Má tôi nhìn qua cửa sổ thấy tôi bà kêu lên ngạc nhiên:

– Con đó hả, Trung đó hả? Con đi đâu mà biệt tăm biệt tích không thư không từ gì cho nhà biết hết. Tao tưởng mày chết bờ chết bụi rồi chứ. Vô đây, vô đây con. Chú Đăng con đã mất rồi. Con hay chưa? Má lo làm cơm cho mấy em con rồi má phải đến nhà bà cố ngay. Cô năm đó con nhớ không? Cả nhà bối rối quá chừng quá đỗi không ai kịp đánh điện cho con mà cũng không ai biết nơi biết chỗ con đâu mà báo tin nữa... May quá, con về kịp lúc...

Bà mở cửa, loay hoay với chùm chìa khóa nhưng không vặn được. Tôi thọc tay qua cái ô nhỏ (những cọng sắt được cắt vừa đủ một bàn tay) mở giúp bà.

– Bấy lâu nay con ở đâu, làm gì? Chú Đăng nói con dạy học ở Đà Lạt có phải không? Con đi đường có mệt không, con

thay quần áo, rửa mặt rửa mày rồi ăn cơm, công việc dạy học có thích hợp với con không? Nghe nói đầu tháng trước chú Đăng có gặp con ở Sài Gòn sao không thấy con về nhà? Cả nhà trông tin con. Chú Đăng mất rồi con biết chưa? À, con biết rồi, khổ tôi quá. Cha con đã vào nhà thương đón xác chú. Thôi con đi tắm rửa đi, còn nghỉ, nghe không?

Trong những câu hỏi của bà, tôi nghe thấy những chữ những tiếng đùng chạm, vấp vấp, té ngã rượt đuổi lên nhau. Thói quen cho tôi biết những xô đẩy kia báo hiệu những xúc động nơi bà. Tôi nói với bà là tôi đang làm ăn ở một nơi xa tôi không dạy học, tôi ghét nghề đó, tôi thích những nghề làm ra nhiều tiền, thật nhiều tiền, tôi muốn giàu, tôi sẽ có nhiều tiền hơn bất cứ một người nào, (tôi sẽ

giàu hơn bất cứ một nhà giàu nào, tức cười không?)

Tôi tháo giấy, cởi bỏ áo quần và đi vào buồng tắm xối nước không ngừng tay. Nhà tắm chật chội như một xà lim và bông sen nước bị nghẹt từ hồi tôi còn đi học vẫn giữ nguyên tình trạng cũ; cái lược, bóng đèn, lavabo, những dấu vết hai anh em chúng tôi đã cào vẽ lên vách khi bị ông già nhốt suốt buổi bên trong vì tội trốn học (không thể nhốt suốt ngày vì mọi người đều cần tắm rửa) vẫn còn nguyên, cũ kỹ, nghèo nàn, nhộp nhúa, bẩn thỉu...

Má tôi nói vọng từ nhà bếp:

– Ăn cơm xong con đi với má tới đàng Cô, nghe!

Tôi nói với bà đừng chờ cơm, tôi đi ngay bây giờ, sẽ đến nhà Cô nhìn mặt chú Đăng lần chót, tối chắc sẽ không về (tôi nghĩ đến Thảo, tôi cần nàng, tôi muốn qua đêm với nàng, tôi muốn biết vấn đề nàng sẽ nói với tôi và hình như tôi thấy mình cũng đang có điều cần nói với Thảo, có lẽ tôi đã thay đổi, có lẽ tôi bắt đầu thấy không thể thiếu nàng). Điện trong nhà bỗng tắt ngúm. Tôi nghe tiếng bà cầu nhàu dưới bếp.

Tôi bước ra phòng ngoài châm điếu thuốc và trong bóng tối mờ tôi tìm thấy được chai rượu cha tôi giấu dưới hộc bàn (tôi vẫn chưa quên được thói quen của cha tôi). Đêm bắt đầu và rượu đắng đốt cháy cổ tôi. Tôi mặc áo quần, mang giấy trong bóng tối. Ngồi trên ghế mây cao của em gái nhỏ tôi, và giữa tiếng ồn ào của gia đình bên cạnh (cãi nhau

về một bao diêm hay một cây nến?) tôi nghe thấy tiếng âm âm của những phi cơ vượt tường âm thanh và tiếng rên rỉ gầm gừ của một bầu trời nặng mây. Rồi những hạt mưa ào ạt trút xuống mái tôn. Tôi trương dù lên (vẫn cây dù cũ của cha, những dấu dán nhấm, những lỗ nhỏ tròn lổm đổm như sao), ra đón xe ở đầu ngõ.

Cả dãy nhà trong con hẻm thấp hoàn toàn tê liệt trong bóng tối. Mưa bắn tung ớt hai ống quần và nước lạnh chảy lờn trong giấy thấm tận những ngón chân.

* * *

Nhà cô tôi nằm trong một cư xá Ngói thuộc khu ngoại ô phía đông bắc thành phố. Trước mặt nhà là bức tường cao phủ đầy rêu của một ngôi biệt thự cổ đang được phá ra sửa chữa lại theo một

kiến trúc mới (vườn bông, sân cỏ, hồ tắm và những tảng đá lớn được xếp đặt trên lối đi một cách cố tình ấy.) Một cái giếng cạn đáy “tôn” nằm dưới chân một cây bông giấy không một nụ hoa nhưng đầy lá và gai nhọn.

Trong nhà, ánh đèn ám khói vàng vọt soi không rõ mặt những người đang lao chao qua lại. Tôi nhảy qua vũng nước cạn, những đồng đá gạch vụn bên hông nhà, vòng ra ngã sau. Mấy người đàn bà ngồi dưới đất nhai trầu tranh nhau kể lại tai nạn. Cô tôi ngồi ở một góc phản gỗ, nước mắt đọng trên gò má, cái nhìn thất lạc.

Xác chú Đăng đặt dài trên ghế bố để giữa nhà, những ngọn nến cắm ở bốn góc ghế đang cháy dở. Cha tôi mắt ráo hoảnh, ngồi trên chiếc ghế mây thấp

dưới chân người chết. Không khí đặc sệt buồn thảm.

Tôi đưa mắt nhìn chung quanh và bắt gặp những khuôn mặt xa lạ, dầu dầu, mắt mũi đỏ hoe và bận rộn một cách vô tích sự. Một người đàn ông trọng tuổi, đứng ở cửa hông mỉm cười bắt tay tôi và đưa tôi đến chỗ cha tôi. Ông thân nhiên nhìn tôi không nói năng (ông làm như không biết tôi từ xa mới về, có lẽ ông cho rằng từ bao lâu nay tôi vẫn ở quanh quần đầu đây trong thành phố này) đỡ tấm vải che mặt chú Đăng và nhìn xuống như muốn nói, mày có thể nhìn mặt chú một lần cuối cùng, nhìn đi.

Tôi nhìn thấy những sợi trắng trên mái tóc chú, những sợi tóc quen thuộc vì chúng đã bạc quá sớm (ở vào cái tuổi mà lẽ ra tóc chú phải đen đủ lắm) cho

đến bây giờ tôi nghĩ là chưa một sợi nào trắng thêm. Người đàn ông nói trong khi cha tôi phủ lại mặt chú Đăng:

– Ảnh chết ngoài xa lộ, chỗ ngã tư, quẹo trái qua làng Đại học. Chết hết, trong xe không còn người nào.

– Có mấy người nào nữa sao?

– Có. Hai người đàn ông và một người đàn bà. Những người này vẫn thường đi chơi với ảnh.

– Người đàn bà ra sao?

– Hơi cao lớn, ăn mặc theo kiểu đàn ông, hơi quê một chút.

– Có phải bà đó là văn sĩ không?

– Anh vẫn nói bà ta là nhà văn nhà báo gì đó.

– Còn hai ông kia?

– Chịu thôi... Cái xa lộ quái ác!

Tôi nghe mùi rượu bay nồng nặc, không biết từ miệng người đàn ông này từ miệng cha tôi. Tôi nhìn cha. Tôi không đọc được tình cảm của ông về cái chết của chú Đăng, người em trai út được ông nhắc nhở đến nhiều nhất, nhắc nhở một cách trù mến nhưng hình như với đầy ác ý. Và cái vẻ lăm lờ lơ đãng của cha tôi bên cạnh xác chết trong một căn nhà ám khói làm tôi kinh sợ. Cái cảnh tượng chết chóc êm đềm, tiếng khóc không gây thành tiếng và những giọt nước mắt chỉ đọng lưng tròng cùng những tiếng ồn ào lộn xộn lao xao khác chỉ giống lên ý

nghĩa của một điều vô nghĩa.

Tôi cố nhớ lại khuôn mặt của chú Đăng (lạnh lẽo, nghiêm nghị? Tươi cười vốn vĩa?) giọng nói của chú (nhANH? Chậm? Sang sảng? Yếu ớt?), những người đàn bà trong đời chú (không làm sao nhớ hết, những cô gái thuê để mua vui, những thiếu nữ có học, những người đàn bà đã có chồng?); bây giờ đã hết, tất thân thể tràn đầy sinh lực ấy đã bất động, những giọt máu đã đổ xuống, trái tim đã ngừng đập, những lông tay đã mất (những lông tay ở bàn tay phải đứt lìa – người đàn ông nói với tôi như thế – vắng vĩa ở đâu đó dưới lùm cây bụi cỏ, giữa những viên sỏi bên bờ lộ hay bị băm nát cuốn hút dưới bánh những chiếc xe khác?). Và tất cả những thứ đó gọi là cái chết sao? Cái chết?

Tôi trở xuống nhà dưới, ngồi bên cạnh cô trên phản gỗ, cầm lấy bàn tay cô, bàn tay mỏng gầy đét, những đường gân xanh, những vết tàn nhang màu nâu, màu đen lốm đốm trên nước da vàng nghệ.

– Trung đây. Cháu Trung đây cô.

– Cô biết rồi. Cháu ngồi xuống đây đi.

Cô không thấy tôi đã ngồi bên cạnh cô. Tôi chờ đợi cô nói điều gì, nhưng cô làm thinh, hai tay bưng mặt, búi tóc đã xổ, chiếc áo nâu rộng không che đậy được sự run rẩy của đôi vai. Thôi bây giờ cô đã mất hẳn người em kỳ cục, kẻ kiên nhẫn nhất trong những kẻ kiên nhẫn đã chịu khó ngồi nghe cô nói chuyện luật lệ và kiện cáo. Chú Đăng đã chết. Cha

tôi uống rượu ngồi canh xác. Cô tôi bất động. Và tôi nhìn cái cảnh tượng không lời kia bằng đôi mắt xa lạ bình yên (tại sao tôi có thể bình thản đến như thế?).

Còn nhớ hôm đi đón chú ở quân y viện ra, cô tôi mừng rỡ đến ôm chú khóc, chị phải nói với chú mới được, chị bị con mẹ Sáu Gừng giựt cái hụi, chị sẽ kiện nó, chú lo cho chị vụ này, ra sao thì ra, chú biết con mẹ Sáu Gừng không?...; chú cười không trả lời, ôm lấy tôi và hồn nhiên kể lại trận đánh dữ nhất trong đời lính của chú, kinh khủng không chịu được, chú nói thế, trận đánh chưa ngã ngũ mình đã bị đạn, hai thằng trong trung đội mình bị bắn nát đầu ngã sấp trên mình mình, mình nhìn đâu cũng thấy máu là máu, mình tưởng mình đã chết và mình bất tỉnh luôn, ấy cũng may mà còn sống, còn thấy lại được mặt chị và cháu Trung đây,

chứ không lại phải nằm trong túi đựng xác có “phéc-mơ-tuya” kéo kín và nghe ròi bọ lúc nhúc trong đó vì phải qua một đêm mưa tầm tã ngoài trời thì chán lắm.

Tôi ngồi im như thế hồi lâu, chẳng biết phải nói thế nào để an ủi cô, chẳng biết hỏi han ai, và cũng chẳng ai thiết hỏi han mình. Tự nhiên tôi có cảm tưởng cái chết của chú Đăng như là một cái chết được chờ đợi, được mong ước (có cái chết nào không được chờ đợi và mong ước?). Tôi đứng dậy (chắc cô không biết) leo lên căn gác, tìm đến căn phòng của chú Đăng. Tôi xoay nhẹ chốt cửa đẩy vào. Tôi tưởng cửa đóng như cô tôi vẫn nói (tao không hiểu nổi chú ấy từ ngày chú giải ngũ, cửa nẻo gì mà lúc nào cũng đóng thín thít không hé mở lấy một chút) nhưng cửa không khóa.

Căn phòng tối om và tôi ngồi thấy một mùi hôi thối khó thở, như mùi chuột chết. Tôi loay hoay sờ soạng đi tìm cái bật đèn. Cái bật đèn? Ở đâu? Bên trái? Bên phải? Trên? Dưới? Tôi đứng lại hồi lâu làm quen với bóng tối và tôi bước tới. Tôi đập đập tay lên vách ở hốc cửa, tôi quơ chân, tôi xuýt ngã. Một vật cứng và tròn lăn dưới chân tôi. Tôi cúi xuống mò kiếm và mãi một lúc lâu sau tôi tìm bắt được cả hai vật: chân ghế và cây nến. Tôi ngồi xuống ghế bật diêm đốt nến và châm thuốc.

Ánh sáng cháy bùng lên rồi phụt tắt. Một que diêm, và thêm một que diêm nữa. Ánh sáng soi rõ mặt bàn giấy (những quyển sách và tạp chí vứt bừa bãi, một ít sách bị mở tung giữa trang), chiếc ghế xoay tròn đung vào một tủ sách cao với những kệ trống trơn. Sát bên tường

tận cùng căn buồng là một chiếc giường rộng với những chiếc gối đã được tháo bao ngoài, đen xỉn, nhộp bần, chiếc màn nhà binh màu xanh buông thong một nửa (có lẽ lâu lắm chú không trở về chỗ nằm, không xử dụng đến giường chiếu mùng màn); ở đầu giường phía trên bàn ngủ là một bức ảnh lớn khung kính nứt rạn cong vòng như sao chổi, tôi mang đèn đến gần, nâng lên sát bức hình, đó là khuôn mặt một thiếu nữ (tôi nghĩ thế, và tôi cũng tự hỏi tại sao không gọi là một thiếu phụ, tôi lục lợi trí nhớ nhưng quả tình không tìm thấy được một nét quen thuộc nào).

Mùi hôi càng lúc càng khó chịu và khó thở hơn. Tôi đến mở cánh cửa sổ và vô tình tìm thấy cái bật điện, nhưng điện không sáng, cầu chì đã bị tháo. Tôi trở lại ngồi xuống bàn, hất những tạp chí và

sách xuống đất. Dưới tấm kính lót bàn và trên miếng nỉ xanh là một bức tranh lớn in màu tuyệt vời, kỳ khu, nét vẽ bén và sắc (một con sông rộng với những thuyền và người, một chiếc cầu cao cong mắt hút phía bên kia sông, nơi có những căn nhà lụp xụp chìm trong rừng cây mờ nhạt, bầu trời đen kịt những mây và vẻ hối hả hần trên gương mặt của người lái đò đang ở dáng điệu chống cây sào dài ngăn đôi khung cảnh buồn thảm).

Lại trời mưa. Những cơn mưa dai dẳng chẳng làm sạch được mây đen trên trời. Tôi cúi xuống góc bức tranh và đọc một cách khó khăn tên họa sĩ Hokusai Katsushika. Cái tên khó nhớ, tôi nghĩ trong đầu. Tôi sẽ làm gì cho hết buổi tối hôm nay.

Một xác chết không người khóc. Một căn phòng không ánh sang, ẩm mốc và hôi thối.

Tôi tần ngần kéo học bàn chú Đăng và giữa những tờ giấy ghi chép, những câu vô nghĩa, những bao thư mất ruột và bị xóa cả tên người gửi tôi tìm thấy quyển truyện của một tác giả quên tên. Những chữ trong sách này tôi đã đọc một lần, hồi tác giả mới cho in đôi bài trên một tạp chí. Tôi cũng đã gặp người viết một lần ở nhà chú Đăng. Hôm đó tôi vừa ở Đà Lạt về, tiện đường tạt qua nhà cố thăm chú. Khi bước vào phòng, tôi chú ý ngay đến người đàn ông trạc tuổi tôi đang ngồi bất động như một xác chết trên chiếc ghế da gần cửa sổ (với quyển sách mở giữa trang, chắc thế!). Ánh đèn ống trên tường hắt xuống khuôn mặt hắn một màu xanh bệch. Chú Đăng nói, anh

ngồi xuống đây, anh Trung. (Chú vẫn gọi tôi là anh, có lẽ xét về tuổi tác, về chiều cao và về sức nặng giữa chú và tôi không cách biệt bao xa).

Người đàn ông đứng dậy. Chú Đăng giới thiệu tôi với hắn và cho tôi biết hắn là một nhà văn, một nhà văn có tiếng nói đồng đặc và mạnh bạo nhất hiện nay. Hắn bắt tay tôi một cách nghiêm trang và hớm hĩnh (vẻ lơ là khinh bạc và kiêu ngạo làm hắn có vẻ buồn cười, giống như một thứ người rơm mà dưới quê người ta vẫn dùng đe dọa chim chóc ngoài ruộng). Tôi nói hân hạnh, thật là hân hạnh cho tôi quá chừng. Bàn tay hắn khô, buông lỏng xa lạ, và cái nhìn uể oải, không thẳng.

Hắn lại ngồi xuống ghế tiếp tục trang sách đang đọc dở, có vẻ hờ hê vì

lời ca ngợi của tôi. Tôi nói với hấn ông là một nhà văn lớn, một nhà văn dẫn thân lớn nhất của thế kỷ hai mươi. Tôi cố tình nhấn mạnh tính từ dẫn thân – mặc dù tôi chẳng hiểu tí nào cái nghĩa chữ ấy. Hấn đặt sách xuống rồi hỏi tôi: ông có đọc những bài của tôi trên nhật báo và trên các tạp chí văn học nghệ thuật sao? Tôi đáp thật khiêm tốn, có, tôi đọc không thiếu một chữ nào của ông, tôi theo dõi ông nhiều lắm, tôi yêu mến ông ngay từ bài đầu. Hấn gật gù tỏ vẻ tự mãn:

– Sống ở đời là phải lựa chọn một thái độ. Chúng ta không thể từ chối lựa chọn bởi từ chối lựa chọn một thái độ là mặc nhiên đã bày tỏ một thái độ rồi. Ít ra chúng ta cũng phải làm một cái gì!

Làm một cái gì? Tôi cố tình không hiểu hấn muốn nói gì. Hồi đó, chú Đăng

mới giải ngũ và được thưởng huy chương hay bội tinh gì đó. Tôi nói:

– Phải, chúng ta cần phải làm một cái gì như chú Đăng tôi chẳng hạn.

Hấn ngừng đầu lên nhìn tôi, cân nhắc dò xét lời nói, có lẽ hấn tự hỏi thằng cha này muốn nói cái gì đây (điều này không chắc lắm vì tôi cũng chỉ nghĩ thế thôi). Hấn nói trước hấn ở trong cùng đơn vị với chú Đăng, hấn đã chiến đấu, đã dự những trận đánh lớn sát biên giới, đã chạm mặt với cái chết... Cái chết theo đuổi tôi không rời một giây phút nào. Tôi sẽ viết về cái chết đó. Tôi nói, chắc hơn ai hết ông phải là người biết rõ cái chết nhất, nhưng tôi chợt nghĩ khi biết cái chết thật rõ thì mình đã chết mất rồi còn đâu mà nói phét.

Từ lúc tôi và nhà văn lớn nói chuyện, chú Đăng vẫn nằm trên giường đọc báo không nói chen một lời nào. Hắn không buồn trả lời câu hỏi tôi, cúi xuống trang sách. Quả tình tôi có đọc nhiều bài của hắn viết. Văn chương hắn dễ dãi gần gũi với những người máu nóng, hời hợt và dâm loạn (tôi thích hắn một phần cũng vì lý do này). Đọc hắn, người dễ tính thấy mình sớm trở thành những anh hùng làm được một cái gì. Và tôi có một tật rất xấu là thường hay lấy những ấn tượng ban đầu để phê phán kẻ khác. Cho nên tôi tự nghĩ, thực là xa lạ biết bao giữa một nhà văn trong những bài báo sôi sục cảm hờn đầy tính cách kích động, lúc nào cũng lắm le loan báo sự phản kháng chế độ, một nhà văn kêu gọi không ngừng sự liên kết của tuổi trẻ và hành động vào với yếu tố kiêu căng vô lối của mình coi như căn bản của mọi vận động tìm đến

sự thỏa hiệp giữa tư tưởng và hành động và con người đang ngồi trước mặt tôi kia, con người với cái bắt tay rã rời mệt mỏi, con mắt nhìn xiên xỏ lăm la lăm lét, điệu bộ kênh kiệu như con công rừng, và những nhận xét cũ kỹ trên một quan điểm đã được người khác nhắc tới nói đến quá nhiều lần (thành ra tư tưởng của hắn là những bản vẽ của nhà in, dập đi dập lại nhòe nhoẹt, khác chẳng là thay tên của một người này bằng một người khác ở cuối mỗi bài).

Tội nghiệp cho hắn và cũng tội nghiệp cho tôi nữa bởi vì tôi đã ghét hắn, bắt đầu thấy ghét hắn và bởi vì người ta vẫn nói rằng chỉ có những kẻ giống nhau quá mới dễ ghét nhau mà thôi. Chúng tôi tiếp tục im lặng, hắn đọc sách, tôi đọc hắn.

Có lẽ chú Đăng cho là sự lặng thinh đó kỳ cục, chú ngồi dậy, mang giấy nói là để đưa tôi về. Về đâu? Tôi hỏi chú và chú nhìn mắt tôi dò hỏi. Thế anh không về đăng nhà sao? Và không chờ tôi trả lời, chú cười, được rồi, anh muốn đến đâu tôi đưa đến đó. Tôi chào hấn, đưa tay cho hấn bắt nhưng hấn lơ đi làm như không thấy. Chú Đăng biểu, đi cho kịp không trời mưa bây giờ. Tôi nhìn thấy hấn bước ra ngoài lan can, tay phải vẫn giữ quyển sách, ngón tay trở nằm giữa những trang đang đọc. Dáng hấn gầy và cao, hai gò má nhô xương, da sạm đen, cánh tay dài lêu khêu, lưng lẳng trên vai chiếc đầu nhỏ như một trái dưa xiêm.

Đợi tôi ngồi sau yên xe xong, chú Đăng nói bây giờ chú yêu mến đời sống hơn bất kỳ lúc nào, chưa bao giờ chú cảm thấy thích thú đời sống đến thế. Chú nói

anh ấy (nhà văn phản kháng của tôi là cho rằng nếu không làm được một cái gì thà chết đi còn hơn. Tôi hỏi chú rằng, y đã làm được cái gì chưa? Cái gì là thế nào? Chú ngạc nhiên hỏi lại. Tôi nói tôi cũng không hiểu cái gì là cái gì nữa. Tôi chỉ đặt câu hỏi theo câu chuyện đó thôi. Chú bật cười, à, cái này thì khó nói quá. Tôi im lặng. Chú hỏi lại, sao anh cay cú quá thế? Tôi nói bởi vì hấn giống tôi nên tôi cay cú. Chú Đăng cười to hơn. Đến một ngã tư đèn đỏ, tôi đập vai xin chú cho xuống. Chú ngạc nhiên nhưng vẫn bắt tay tôi.

Tôi hỏi, sao y chưa chết? Chú la lên, anh điên hả? Tôi cười, đủ rồi, cho một buổi chiều như buổi chiều hôm nay bấy nhiêu đó là đủ rồi. Đèn xanh. Những còi xe phía sau giục chú. Tôi chào chú và băng qua bên kia đường ngược chiều.

Tôi nghĩ tức cười và những vụn vặt giả tạo và cái thứ làm dáng siêu hình đó quá. Hình như hẳn vẫn còn sống. Có lẽ tôi đã gặp hẳn ngày hôm qua, trên đường đến lớp học. Và chú Đăng tôi bây giờ đã chết. Có phải đó là hậu quả tất nhiên của một thứ làm dáng triết lý mà chú đã nhận được từ người bạn văn chương của chú không? (Còn nhớ trong một bức thư sau cùng chú viết cho tôi rằng cái chết giống như một mục sư tốt, bởi vì cả hai không bao giờ đánh mất hay làm thất lạc được bất chiêng của mình, ý tưởng này chú cho biết là của hẳn, một tư tưởng tuyệt vời và thâm thúy, nhưng hình như đã có lần tôi đọc thấy đâu đó trong quyển Album tan Pessimiste của Alphonse Rabbe câu này, *La mort est un bon pasteur, car elle ne perd jamais rien de son troupeau*, nam mô a di đà phật!)

Không biết tôi đã ngồi như thế trong bao lâu, cây nến đã lụn bấc, những hạt mưa vỗ trên mái tôn đều đặn và gió thổi đóng sầm cánh cửa sổ lại. Tôi nghe trong ruột cồn cào, có lẽ phải kiếm cái gì bỏ bụng. Tôi thổi tắt ngọn đèn và bước ra bên ngoài. Tôi xuống thang gác trong tiếng khóc xót xa và ảm ức của một người đàn bà (hình như vừa khóc vừa kêu gào lăn lộn dưới đất?).

Tôi không chịu được. Tôi nghĩ đến Thảo. Tôi sẽ đến đón nàng đi ăn, đi xem chớp bóng và sau đó, một phòng cho thuê ở Chợ Lớn (với tôi điều này không có gì đến nỗi phải bối rối lắm). Tại sao không mới được chứ? Tôi yêu Thảo rồi chẳng? Điều này không chắc lắm. Một hôm tự dưng Thảo nói, trong đời em, em chỉ yêu có một người, người đó là anh, và chỉ một mình anh mà thôi (Thảo phải

là một nhà hình học giỏi; nàng đã dung hòa được toán học và cải lương), dầu sao tôi cũng thích thú vì được vượt ve. Tôi sẽ kể chuyện cái chết của chú Đăng cho nàng nghe. Chắc nàng sẽ phải kêu lên: Khiếp quá! Khiếp quá! Thôi anh đừng có tả cái cảnh tượng ấy nữa. Tôi sẽ gọi nàng là hạnh-phúc-của-đời-tôi. Và tôi sẽ ngủ trong tận cùng hạnh phúc đó.

Tôi cầm quyền sách bước ra ngoài khóa trái cửa lại, định vòng ra ngã sau, nhưng tính hiếu kỳ khiến tôi đứng lại đưa mắt nhìn về phía tiếng động. Mọi người lúc đó đang xúm quanh một cô gái nằm vật dưới chân xác chú Đăng. Tiếng khóc như xé tim làm tôi thêm chú ý.

Cô tôi tay cầm chai dầu khuynh diệp, xô mọi người ra và cúi xuống một cô gái.

Tôi đến gần, nhón gót nhìn cảnh tượng kỳ lạ.

Cha tôi nói với đám đông, người này là nhân tình của chú Đăng đó, đã có mang thai hai tháng nay. Thôi hãy tránh bớt ra cho người ta còn thở chớ, chết ngộp hết bây giờ. Cô tôi vén những sợi tóc che lấp vầng trán và khuôn mặt của người con gái. Tôi chỉ kịp kêu lên trong cổ họng, Thảo! Thảo hạnh-phúc-của-đời-tôi.

Bên ngoài trời có còn mưa không anh?

CHIM CÚ

Thanh Tâm Tuyền

*H*uê thức giấc, trời còn tối mù.
Đường như trước đó cô trải
qua một giấc mộng không nhớ lại được
bị vùi lấp trong những tiếng động rần
rần rớt đồ choáng váng. Cô mở mắt
nằm trong mùng đoán chừng giờ khắc,
phương hướng, vị trí các đồ vật trong
nhà từ trên bộ ngựa. Cái cửa sổ chiếm
hết bề ngang mặt trước, trừ cánh cửa ra

vào, hiện dần với hàng song đứng vuông, đặt xéo cạnh, bên ngoài là hàng hiên rồi tới khoảng sân trắng xi măng chờ tôn, chỗ đậu nhờ tắc-xi của chú Bảy, đèn thui không nhìn thấy trời.

Huệ lơ mơ sắp ngủ trở lại chợt giật mình. Một tiếng kêu khác lạ mơ hồ. Cô dỏng tai nghe ngóng. Tiếng mèo gào gọi đục hung bạo trên nóc nhà rầm rầm, tiếng thở phì phì chống cự khó chịu, những khua động ồn ào làm lãng mất sự chăm chú. Huệ bắt rùng mình, xa hơn những tiếng động phiền nhiễu ấy, một tiếng kêu ngắn thoáng. Tiếng chim cú kêu. Mấy con mèo đã đuổi nhau đi mất trả lại sự yên tĩnh, cơn ngủ bay biệt hẳn, Huệ trông đợi. Con chim kêu liền hai ba tiếng trong sự vắng lặng của đêm tràn ngập. Nó đậu đâu? Trên cây gòn khô gần giếng nước hay trên hàng cây cao rậm

ngoài phố hông trước thành lính? Có khi nó ở tuốt mấy cây ngoài lộ cái không chừng?

Huệ ngồi lên vén mừng, buông thông hai cẳng mò đôi dép. Đồng hồ kêu tích tắc, đặt bên kệ hàng trên vách lẫn với những ve kẹo bánh. Cô nhẹ nhàng bước ra mé cửa ngoài, lách tránh những đồ đạc trên lối đi, kéo chốt cửa chậm chạp sợ gây tiếng động đánh thức bà nội già ngủ ở buồng nhỏ bên trong.

Tiếng phản lực vút tới, ngang qua trời, chói ráy bắt cô khựng lại trước ngưỡng cửa. Chiếc tắc-xi lù lù, án tằm mắt. Không khí tươm hơi gió ướt. Đợi cho tiếng máy bay khuất, Huệ thủng thẳng ra ngoài, khép cửa sau lưng, men bên chiếc xe hơi tới cây cột chống mái tôn ở rìa ngoài đứng lại.

Mặt đất mờ mờ phân biệt với gốc ổi thấp, cành lá lòa xòa trước sân nhà thầy Năm. Màu trời nhạt sáng hơn, những mái nhà lơ xô lấm lũi. Những chòm cây rậm rịt như đám rừng ngoài phố trước thành lính vượt khỏi các nóc nhà, mỗi mùa mưa ít nhất một lần những ngọn cao nhất bị sét đánh nhưng lửa đôi lúc bốc khói cháy âm ỉ cả mấy bữa, chim thường riu rít trong đám lá những buổi sáng chiều khô ráo, buổi trưa mùa nắng im gió nghe tiếng chim lạ đơn độc hót những khúc ngân lập đi lập lại.

Con đường ngoài đó không nhà ở chạy dài cả trăm thước với trại lính một bên, gò mả một bên, trại lính dây thép gai rào kín, cốt gác cao lênh khênh mái lợp xúp, sân đất trống trơn bị vây ở giữa những dãy nhà vách ván mái lá, đám gò mả bờ bụi gai góc, cái xây gạch đá rêu

phong đen đui, cái lùn thấp gần bằng mặt đất.

Huệ vịn tay vào cột, đón tiếng chim kêu. Có lẽ nó đã bay mất. Tiếng chó sủa từng chập, mấy con mèo rượt nhau sâu thêm vào trong xóm, máy bay âm ỉ những vùng xa, chuột chạy loạt soạt trong các vách lá. Những kẹt hẻm len giữa hai căn nhà mở như cửa ngõ của bóng tối. Khoảng lộ cái chạy ngang ngoài đầu ngõ sáng khô trong ánh điện.

Huệ tiến thêm hai ba bước, đứng giữa lối ngõ, quay mặt vào trong xóm mịt mù. Trời lốm đốm sao, ngôi sao mai rõ ràng trên nóc nhà mụ Tư Mập diên diên khùng khùng nuôi con mướn cho bọn điếm trong xóm. Mai sáng không mưa, mùa mưa năm nay tới chậm.

Tiếng động rần rần bủa vây đầu óc như cả một đoàn xe hạng nặng chạy ngang; Huệ quay mặt ra lộ, cảnh vật say ngủ như chết; cổ ngước mắt lên trời nhìn tia lửa phụt bay giống như sao chổi, hai chấm điện vàng đỏ nhấp nháy như đom đóm. Ba lần liên tiếp như vậy cách nhau vài giây đồng hồ, những chấn động trong thính không úp chụp làn choáng váng cơ thể, Huệ ngất ngư như bị xô đẩy trong một chuyến xe buýt ních người, tự động dời chỗ hồi nào không hay.

Lúc tỉnh trí sự im lặng khuya khoắt mở trong cơn gió sớm mơn man, cơn gió như thổi đến từ nơi nào ánh sáng đã hé rạng, Huệ thấy mình đứng trước hẻm vào giếng nước, nghe rõ tiếng nước chảy róc rách trong thành giếng, tiếng nước êm ái với những giọt đọng lồm bồm rớt sâu như một đêm trăng sáng. Cây gòn

trơ những cành trụi lá cản lối, những người gánh nước lụp chụp dễ bị vấp té, cao lênh khênh như người quá khổ; đêm nào một anh chàng Mỹ đi chơi bởi say rượu lỡ quở tránh gốc cây lọt xuống giếng khiến cả xóm hoảng hồn phải kêu nhau thức dòng dây kéo lên, anh ta thiệt mạnh, ứt loi ngoi, bể đầu chảy máu mà không xỉu, bỏ đi một nước.

Qua giếng trong hẻm, lối ăn thông sang gò mả là túp nhà của bọn điếm, con Út, con Bông, con Năm, mấy tên ma cô du đảng, Tám Toọc, Bảy Bắp, Tư Vẹo, Sáu Nét, nhà cô Sáu thầy bói, anh chàng Tư Quy làm trưởng khóm chuyên bắt trộm gà, chó, mèo ăn thịt, rút cặp quần áo treo phơi trong xóm.

Hồi năm ngoái, chim cú cũng kêu cách chừng nửa tháng trước khi Tám

Toọc chém chết chú Hai xích-lô máy trong sòng bài cào ở nhà chị Tám; chị Tám ở ngoài đầu ngõ cho bọn điểm mướn phòng, chú Hai dắt khách từ Sài Gòn về; Tám Toọc bỏ trốn đi lính một hồi, lại đào ngũ về lấy con Út. Có lẽ con chim cú đầu trong bụi tre bên gò mả kêu báo cho đám đó.

Một đêm nào xóm sẽ nghe la thất thanh trong đêm khuya, tiếng chân thành thạch rượt đuổi: Chết tôi rồi..., chết tôi rồi. Bảy Bổng bị bắt đưa ra Trung không thấy về, Tư Vẹo bị nhốt trong trại Thủ đức, Sáu Nét đi lính Hải quân lâu lâu mới xuất hiện trông nghiêm trang đàng hoàng hơn xưa; chỉ còn Tám Toọc cái mặt cô hồn thấy sợ, vẫn đánh đập con Út mỗi lần con này không chịu đưa tiền cho nó đánh bạc, la bài hải chạy cùng xóm. Nó sẽ chém người nào đó hay nó

sẽ bị Bảy Bổng thanh toán trả thù nếu Bảy Bổng thoát về được? Nó đã chém thẳng Bảy vào chân rồi chạy thoát trước khi lính tới, lính bắt thẳng Bảy và Bảy đã nhả lời con Năm về cho Tám Toọc hay mỗi thù ấy chỉ trừ Tám Toọc chết mới chạy khỏi.

Huệ rùng mình ớn lạnh, trên người chỉ mặc chiếc áo bà ba trắng mỏng, vú không nịt chảy nặng, trong ngực hồi hộp lạ kỳ như quả banh bị bơm căng trống rỗng. Cô tựa cánh tay lên bờ rào nhà thầy hai Bắc kỳ cuối vét-pa làm trên sở thuế trong nhà có một sinh viên ở trọ, cậu ta thường dậy sớm tập thể dục ngoài sân, bất thần mở cửa và có thể bắt gặp Huệ đang xó rổ trước nhà. Huệ sợ hãi, nhưng không dời chân, đưa mắt kiểm điểm các nhà.

Con chim cú kêu ai vậy? Ai sắp chết đó? Huệ nghe vừa căng thẳng vừa mệt rời rã, tất cả âm thầm dịu dàng như đêm tối; tự cười thầm mình không còn phải nhỏ nhít, mười bảy mười tám gì. Cậu ta sẽ chỉ liếc nhìn không dám lên tiếng, cậu ta không hiểu cũng sợ hãi tưởng gặp ma. Chính Huệ sẽ hỏi: cậu thức sớm quá hả, rồi trở về nhà.

Tuốt trong xóm, nhà thầy Chín mở đèn, hai cửa sổ mở sáng ấm áp như một nỗi vui mừng được giải thoát. Thầy Chín tu hành, mỗi sáng đều tụng kinh gõ mõ, trước khi đi làm tận bên Khánh Hội chiều tối mới về nhà, thấy đi một chiếc xe gắn máy cũ, nhiều buổi phải dựng cẳng chống gò lưng đạp mười lăm phút mới nổ; hai vợ chồng thầy không con nuôi thằng Hên là cháu làm con. Mới ngày nào giờ Hên đã lớn trọng, năm kia đậu

Tú tài đi học Sĩ quan Thủ Đức, làm Thiếu úy Thủy quân Lục chiến, đánh trận bị thương huy chương đầy ngực. Mấy năm trước nó còn vô trong quán của Huệ, tập uống la de với bạn, nghe phát thanh tuồng cải lương, say lè nhè nói:

– Cô Ba, cô giống Ngọc Giàu dữ thần!

– Thằng ôn dịch, mày không về mà còn đi phá làng phá xóm tao mét ba mày cho coi.

Mới ngày nào đó thôi, mình đã hơn ba mươi tuổi, mười năm vắng chồng lủi thủi với nội già trong quán. Anh không biết sống chết, nhưng mình vẫn là bà góa...

Huệ nghe xa tiếng kẹt cửa, thầy Chín

bước ra sân lấp ló sau mấy chậu kiểng. Phía nhà thầy Năm bên ngoài vọng tiếng cãi lầy gay gắt của đôi vợ chồng; thầy Năm hiền khô như một cục đất, trước làm lính cứu hỏa sau đổi sang lính kín, trái với cô vợ hung dữ cờ bạc tối ngày bỏ lũ con nhiều bữa nhịn đói; mỗi lần ghen tuông cô Năm la hét, đấm đá, cầu xé chồng, thầy Năm lăm lỳ chịu trận, cùng lắm là xô vợ tránh đòn, sau mỗi lần, thầy Năm ở trần nằm trên võng ngoài hàng ba ca vọng cổ hay đứng lơ ngơ dòm thiên hạ, mình mẩy bầm tím trầy trụa. Lần này có điều lạ là thầy Năm cao giọng hơn, tiếng cô Năm cũng vẫn rít lên như thói quen nhưng không la lớn. Huệ chăm chú, theo dõi cuộc cãi lầy trong đêm tĩnh, nhẩn mặt như ngậm phải trái chua.

– Đồ dĩ ngựa. Không biết mắc cỡ. Tao mà không nghĩ tới mấy đứa con thì...

mày biết chớ. Tại sao tao lấy nó. Đừng nói nữa mày. Mày cờ bạc, tao tha thứ được. Thú đồ đàn bà ngựa đ... như mày tao phanh phui ra thêm mắc cỡ với chòm xóm. Mày thấy tao không nói tưởng tao ngu, không hay sao mày...

Người đàn ông thẳng thể thấy rõ, cô Năm vẫn nói, vẫn kể tội chồng một cách yếu ớt, giọng lẫn nước mắt thú lỗi. Cô Năm ngoại tình với ai? Thầy Năm không dả động đến, thầy chỉ cốt dẫn mặt vợ.

– Mày cờ bạc quá mạng mà... Tao biết lâu rồi đâu thèm nói...

Cô Năm rên rỉ đau đớn:

– Mày đưa tao mỗi tháng ba ngàn... Mày tính, tính thử coi...

– Ai biểu mày cờ bạc...

Huệ đứng im, mở mắt nhìn xuyên qua bóng tối, ngực bị đè nén. Gió lao xao các đám là đầu đó, trời nhìn quen mắt như chuyển màu nhạt thối. Tiếng mõ trong nhà thầy Chín chậm chạp đều đặn. Cuộc cãi lầy loanh quanh hoài hoài không im.

Trước mặt, sau gốc mít, nhà vợ chồng Hai Sáng, con lóc nhóc một bảy tám chín đứa; chồng làm nghề chích dạo, vợ nấu cơm tháng, mấy đứa con lớn mang cơm cho các nhà ngoại lộ mỗi bữa; trẻ con khóc ọ ẹ không ru dỗ. Lát sau mới nghe tiếng là: Ngủ đi mày, thằng nhỏ giết mình khóc ré một chập.

Huệ dời chỗ, quay trở về nhà ngang trước cửa nhà thầy Năm, kế bên nhà này

là căn nhà gạch của ông Đại úy, cô em gái đi làm sở Mỹ chưng diện ngất trời; cô này thường về khuya, gây lộn với chị dâu hằng bữa. Huệ bỗng nghe tiếng chân mang giầy nặng từ trong xóm ra. Cô bước mau vô chỗ tắc-xi đậu ăn trong bóng tối dưới mái tôn, quay mặt nhìn ra ngoài.

Bóng người trong tối nhìn không rõ mặt. Lúc tới gần, Huệ nhận ra Hên bạn đồ Thủy quân Lục chiến, đội nón rộng vành uốn cong mép. Cô hỏi khẽ:

– Hên đó à? Làm hết hồn.

Hên dừng chân quay mặt vô, dáng điệu ngơ ngác kiểm tìm rồi tiến tới sát bên mép sân xi măng. Huệ tự nhiên lui hai ba bước, dựa vào thành cửa tắc-xi.

– Ủa. Cô Ba phải không, cô Ba?

Một cơn gió bay giông ào ào ngoài đường lộ, lọt tuốt vô tới trong xóm, mái tôn trên đầu rung lình bành. Cơn gió tắt, bầu trời lại rung động chát chúa vì tiếng phản lực cơ. Trẻ con khóc ré theo trong nhà nào đó không phân biệt được. Hên ngửa cổ trông theo tiếng động, mặt hiện mờ mờ trong khoảng sáng hơn ở bên ngoài, môi như mấp máy.

– Cô Ba thức sớm dữ.

Sự im lặng đậm đặc rớt xuống che phủ tiếng mõ loáng thoáng. Hên lột nón cầm tay, một chân giậm nhẹ trên đất. Trong mắt của Huệ, ánh đèn nhà thày Chín chỉ là một chấm sáng lẩn trong lá cây.

– Hên đi hành quân hả?

– Dạ.

– Mấy bữa?

– Không chừng. Đâu có biết trước.

Hên bước lên khoảng xi măng, giày dẫm nghiêng bụi cát nghe buốt sắc, đứng bên vế bánh sau cách Huệ cỡ một sải tay, Huệ nghe được hơi thở chậm chạp điều hòa của đứa con trai, bóng dáng khuỳnh khuỳnh cao lớn của nó che ngang tầm mắt, dường như nó cười lộ hàm răng trắng.

– Giờ này làm sao đón xe. Hên vô trại?

– Không. Tới sân bay.

Huệ xích dằng xa khỏi chiếc xe, ngo

sang nhà thầy Năm, vợ chồng nhà này đã im tiếng hồi nào. Cả xóm vẫn chưa ai thức dậy. Cô vận dụng hết thính giác đón những tiếng rì rào bay lượn thật xa tới đổi chìm ngập trong một cảm giác bông bênh mơ hồ không còn biết nghe được là hiện thực hay huyền hoặc. Đột nhiên tiếng xích-lô máy nổ giòn vọng tới, Huệ rùng mình mở mắt như đã ngủ quên khá lâu, luồng hơi gió đột lan trong xương sống, cô lao đao muốn té. Đứa con trai chồm một bước tới bên cô, đưa tay nắm giữ cánh tay. Thân Huệ run rẩy lạnh toát, ngực thở dồn như sắp đứt hơi.

– Cô Ba...

Tiếng kêu mau và nhỏ như một mũi kim xuyên chích vào da thịt tê dại. Huệ chập choạng thụt lui, tới bên bộ ván ngoài hàng ba ngồi xuống, bàn tay đứa

con trai vẫn bám chặt vào bắp tay cô và nó bị kéo theo. Cô cố gắng hết sức kiềm chế hơi thở sắp tuôn bay hết ra khỏi ngực, nhắm mắt lại cho đầu khỏi đảo. Đứa con trai buông bắp tay, chụp mau lấy bàn tay đặt trên ván khiến người cô hụt không muốn vững. Nó vuốt ve một hồi bàn tay lạnh ngắt, bỗng kêu hoảng hốt:

– Cô Ba...

Hơi thở nóng rất phá ngay giữa mặt nhưng toàn thân Huệ vẫn lạnh cứng như chườm đá. Đứa con trai có lẽ sợ hãi, nó buông bàn tay, lụp chụp rồi rít nắn bóp khắp tay chân, Huệ vẫn không có phản ứng nào hơn là cơn rét run rẩy bắt phải rên rĩ đau đớn.

– Cô Ba.

Đứa con trai rờ lên ngực, lên mũi, lên trán.

Huệ nghe như mình không còn áo mặc trên người, đôi vú đau cứng như hồi nào căng sữa. Cô ráng sức muốn lết vô trong để dựa lưng vào hàng song không nổi, lấp bắp không ra tiếng. Đứ con trai kêu í í trong ức như tiếng chó con, rồi bỗng nó gục mặt xuống rúc đầu giữa hai bắp đùi ôm cứng lấy chúng, người cũng run lật bật như khóc, xương sống Huệ ngay đơ, mỗi rời, mồ hôi tháo đầy ngực gây ớn, cô đưa tay tính đẩy đầu đứa con trai nhưng những ngón tay co rút bám chặt lấy những sợi tóc khô khi nghe cơn rung động truyền sang như ngọn lửa thổi lém ở ngoài đang làm tan băng giá.

Huệ rùng mình liên tiếp, ứa nước mắt, cơn lạnh đang bị đẩy lui và cơn sốt

bốc lên ăn trên đầu. Cô từ từ hé mắt, thấy mình ngồi buông thõng cẳng bên mép ngựa, Hên quỳ dưới đất úp mặt vào giữa lòng cô, vòng tay ôm giữ hai bắp chân, thở hiền hòa như đang ngủ. Cô lấy những ngón tay làm lược gỡ mái tóc bờm xờm, êm ái; bây giờ hơi lạnh gây gây ngoài da, thấm trên chiếc áo bà ba mỏng và trong thân sự nồng ấm chậm chạp lan đón chống chọi. Hên quay nửa mặt đưa mắt ngó lên; hai tay rớt xuống ôm đôi bàn cẳng còn tê lạnh. Huệ khẽ động, thấy mình có thể nhúc nhích được.

Ngoài đường tiếng xe chạy huyên náo dồn dập tưởng như trời đã sáng bết. Huệ bất ngờ xô mạnh đầu đứa con trai, rút cẳng, lúi tới hàng song, Hên sực tỉnh ngó giáo dác. Xung quanh vẫn tối thui, nín lặng hoàn toàn, không còn cả tiếng mõ của thầy Chín.

Huệ thở dài, hơi thở bám nóng quanh mặt, những giọt nước mắt khô rát.

– Hết giới nghiêm rồi.

Huệ chậm chạp chống tay trên mép ván cập kênh đứng trở dậy, cúi lượm chiếc nón rớt, tần ngần chụp lên đầu, chưa muốn dời bước. Bóng tối loãng nhờ trong ngọn gió phe phẩy làm một ốc cùng mình. Huệ có thể nhìn thấy những vết rằn ri trên bộ đồ trận của Hên. Cô co hai đầu gối che ngực, vòng tay ôm lấy, bên bắp tay bị nắm giữ còn đau ê ẩm, nghĩ thầm: mình bị trúng gió, đau tới nơi rồi. Hên vẫn đứng sững như trời trồng không nhúc nhích cục cựa. Bất thần nó xoay mình đi mau không ngó lại sau, tới đứng dưới gốc đèn dầu ngõ, bóng chiếu gầy trên bức tường của tiệm sửa xe. Ngoài lộ không một tiếng xe qua.

Huệ dẫm chân xuống đất yếu ớt, lò mò tìm đôi dép sút văng mỗi nơi một chiếc. Cô đang lui cui quan sát mặt đất, bỗng nghe tiếng nổ buốt óc, ngã nhào, ngực tức nghẹt, mắt mở trừng. Xung quanh nhiều tiếng động lịch kịch trong các nhà. Không biết bao lâu, cố thở lại được, hoàn hồn bám lấy chiếc xe tắc-xi đứng lên, người nghiêng ngả như say rượu. Một vài tiếng chim lích chích trên cây cao.

Ngõ sáng hơn vì nhiều nhà thức dậy, có nghe tiếng chị Tám mở cửa nói lớn một mình: Ngay ngoài ngõ mình thôi. Cô trông ra ánh đèn vàng chiếu tỏa trên quảng đường mờ mờ như một làn sương mỏng, vắng vẻ hiu quạnh như còn đang nửa đêm. Dưới gốc đèn một bóng người ngồi ủ rũ như ngủ quên, không thấy đầu.

Cô lấp bắp rên rỉ không ra hơi, thốt la vang làng xóm:

– Thằng Hên... Thằng Hên...

Huệ té khụy xuống đất, va mạnh xuống thêm xi măng, đầu bốc ngùn ngụt như đám cháy ngon trên cỏ và lá khô, thân thể như bị bầm dập khắp nơi sau cuộc tra tấn dã man. Dưới lưng tiếng động của chân chạy hỗn loạn.

CÁNH CỬA SAU CÙNG

(tập truyện viết về Cái Chết)

Tập truyện của bảy tác giả

Bìa của Ngọc Dũng.

Nguyệt san VĂN UYỂN

ấn hành lần thứ nhất.

In tại nhà in riêng của cơ sở VĂN,

xong ngày 8 tháng 8 năm 1969.

Ngoài ấn bản thường, có in riêng

80 cuốn trên giấy trắng mịn

dành riêng cho bảy tác giả

và cơ sở xuất bản VĂN.

